Tịnh Độ Vấn Đáp (Thích Giác Nhàn sưu tập)

Tịnh Độ — sách & giảng giải

TỊNH ĐỘ VẤN ĐÁP

SƯU TẬP

Tỳ Kheo Thích Giác Nhàn

LỜI GIỚI THIỆU

Một học sinh khi còn ở cấp trung học cần phải học tổng hợp các môn, nhưng khi lên Đại học thì phải học chuyên môn, do đó cần phải chọn cho mình một ngành nghề phù hợp sở thích của mình. Có như vậy việc học mới tiến bộ và kết quả đạt được sẽ tốt đẹp hơn. Một người tu Phật, lúc đầu cần phải chọn cho mình một pháp môn thích hợp để tu tập. Con đường đến quả vị Phật có nhiều lối, tùy theo căn cơ của mỗi người mà chọn lựa con đường nào thích hợp nhất để đi. Như lời người xưa đã nói "thuốc không quý tiện, lành bệnh là thuốc hay; Pháp không cao thấp, hợp là pháp diệu"

Nhằm giúp những vị tu theo pháp môn Tịnh độ vững niềm tin và tinh tấn hành trì, thầy Thích Giác Nhàn trong thời gian nhập thất chuyên tu, đã bỏ ra một ít thời giờ sưu tập những lời Vấn đáp của chư Tổ sư tiền bối kết tập thành cuốn sách "Tịnh Độ Vấn Đáp" này. Nội dung cuốn sách rất bổ ích cho những người tu theo pháp môn Tịnh độ tham khảo.Tôi xin tán thán và tùy hỷ việc làm này của Thầy Thích Giác Nhàn và xin giới thiệu đến quý Phật tử gần xa.

Đại Đức Thích Chân Tính.

LỜI TỰA

Chư Phật ra đời là vì một đại sự nhân duyên là "khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến". Nghĩa là Ngài muốn chỉ cho tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Nhưng vì vô thỉ do một niệm vô minh bất giác khởi lên che mờ thể tánh thanh tịnh, nên chúng sinh trôi lăn trong ba cõi sáu đường, ra vào nơi sông mê biển nghiệp, mà không tự trở về với nguồn tâm chân như của chính mình. Vì vậy, Đức Phật tùy theo căn cơ sai biệt của mỗi chúng sinh mà Ngài nói ra nhiều pháp môn phương tiện khác nhau.Về sau chư Tổ y cứ trên lời Phật dạy lập ra nhiều tông chỉ như: Thiền tông, Duy thức tông, Mật tông, Luật tông, Tịnh độ tông...Các tông chỉ này đều thiết lập trên nền tảng của giới, định, huệ và cứu cánh cũng gặp nhau tại nơi suối nguồn chân như.

Hơn nữa, chư Tổ dạy: Muốn tiến vào địa hạt của các tông chỉ không phải đi bằng con đường kiến, văn, giác tri, thiết lập trên phạm trù tư duy hữu ngã mà phải bước vào bằng con đường niềm tin đi trên tiến trình tín, tấn, niệm, định và huệ để khai minh tâm địa để thành tựu trí huệ vô ngã. Không những các hành giả đi vào tông chỉ bằng niềm tin, mà các vị A La Hán và các vị Bồ Tát cũng đi qua cửa ngõ của niềm tin. Cũng như muốn bước vào dòng Thánh Tư đà hoàn phải dứt trừ nghi, giới cấm thủ, tà kiến. Và chư vị Bồ tát muốn bước lên ngôi đẳng giác cũng phải đi qua lộ trình Thập tín...

Sở dĩ người con Phật không tin lời Phật dạy là do lòng nghi, chính nghi là một thứ phiền não ngăn cản các hành giả đi vào con đường đạo, vì một đàng nghi, một đàng tin thì thử hỏi làm

sao thực hành để thành tựu tâm pháp được.Vì lẽ đó chúng tôi góp nhặt các nghi vấn về Tịnh độ tông để cống hiến cho các vị liên hữu làm tư lương trên bước đường tu niệm.Lẽ dĩ nhiên, những nghi vấn này không thể nào giải quyết hết những mối nghi ngờ của các vị. Tuy nhiên, có cũng là một yếu tố giúp cho hành giả có được niềm tin vững chắc để đi vào tâm pháp Phật.

Muốn chuyển hóa hết các nghi vấn, điều cần yếu là tự mỗi người phải thực nghiệm pháp tu. Duy chỉ có thực hành mới có thể đánh tan các mối nghi. Khi nghi không còn, thì tin hay không tin không đặt thành vấn đề nữa, vi vạn pháp đều là "Như Thị".

Chúng tôi chỉ làm công việc biên soạn thuật lại những lời vấn đáp của chư Tổ liên tông Tịnh đọ. Tuyệt nhiên, chúng tôi không dám xen một ý nghĩ riêng tư vào, vì lời dạy của chư Tổ quá là đầy đủ. Chắc rằng, việc làm của chúng tôi không sao tránh khỏi những lỗi vụng về. Ngưỡng mong các bậc cao minh từ bi chỉ giáo cho.

Phật lịch 2544

DL 1-1-2001

Tỳ kheo Thích Giác Nhàn

Tự LIÊN PHƯƠNG SA môn

ĐỨC PHẬT HUYỀN KÝ:

Thời mạt pháp ức ức người tu hành khó có người được giải thoát.

Chỉ có nương nơi pháp niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi, mau chứng thành Phật quả.

(Kinh Đại Tập)

NGÀI VĂN THÙ SƯ LỢI DẠY:

Nếu thiện nam tín nữ nào nguyện mau thành Phật không gì qua môn tu "Niệm Phật"

Niệm Phật thời có thể mau chứng qua vô thượng Bồ đề.

(Tống Cao Tăng Truyện)

ẤN QUANG ĐẠI SƯ NÓI:

Cửu giới chúng sinh rời pháp môn này thời chẳng thể viên thành Phật quả.

Thập phương chư Phật bỏ pháp môn này quyết không thể độ khắp chúng sinh.

(Ấn Quang Văn Sao)

TỊNH ĐỘ TÔNG LỜI VẤN ĐÁP VỀ PHÁP TU TỊNH ĐỘ

1/ Hỏi: Môn Tịnh độ là pháp cơ sở, chỉ để cho kẻ ngu dốt, căn trí thấp kém hành trì. Những người căn tính cao phải tu thiền hay duy thức mới hợp lý.Và lại bậc trượng phu phải có chí hùng cường tự lập, nên văn cứ nơi mình mà giải thoát; nếu muốn cầu mong tha lực, chẳng tỏ ra hèn yếu lắm ư?

Đáp: Với lời hỏi này, trước tiên xin nói về căn cơ, sau sẽ trả lời đến yếu tố tự lực tha lực.

Pháp môn Tịnh độ không phải chỉ để cho bậc trung hạ căn, mà còn thâu nhiếp cả bậc thượng thượng căn. Bậc trung, hạ căn niệm Phật sẽ dứt được phiền não nghiệp chướng, phát sinh phước đức trí huệ, lần lần đi đến định cảnh, tùy công phu thấp cao mà vãng sinh về chín phẩm sen nơi Cực Lạc. Bậc thượng căn vừa khởi câu niệm Phật, liền thâm nhập vào cảnh giới định huệ, đi đứng nằm ngồi đều trong niệm Phật tam muội, khi lâm chung sinh về thượng thượng phẩm liên bang. Trong hàng tiên đức đã có vị vào cảnh giới này, và trình thuật với câu:

Nắm lấy chuỗi tràng trần niệm dứt,

Nghiễm nhiên thành Phật đã từ lâu.

Cho nên, câu niệm Phật thâu nhiếp hết ba căn, với người cao nó thành cao, với người thấp nó thành thấp.

Trong kinh lại nói: “Chí thành xưng danh hiệu Phật A Di Đà, sẽ được tiêu tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử”. Người niệm Phật hằng giữ định tâm, tất sẽ phát huệ đồng như lối tu của các pháp môn khác. Hơn nữa, trên định tâm mà xưng danh hiệu Phật A Di Đà, thì tự tiêu nghiệp chướng, sinh phước huệ càng cao thắng chóng mau. Vì thế, Liên Trì Đại Sư đã khen pháp niệm Phật là: Đại thiền định, đại trí huệ, đại phước đức, đại thành hiền. Theo Quán kinh: Người tạo tội ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu chí thành xưng danh hiệu Phật A Di Đà cho đến mười niệm, thì ngài liền hiện thân tiếp dẫn sinh về Cực Lạc. Từ một kẻ cực ác, chỉ dùng mười niệm mà được vãng sinh, lên ngay ngôi bất thoái chuyển thật là điều rất hy hữu. Ấn Quang Đại sư đã khen: “Pháp niệm Phật bậc cao niệm đến một lòng không loạn, chứng vào tam muội, kẻ cực thấp chỉ đúng mười niệm thành công, là điểm đặc sắc mà chưa pháp môn nào có”.

Về vấn đề tự tha lực, nếu như hiểu môn Tịnh độ chỉ hoàn toàn nương nơi tha lực là lầm lớn. Người niệm Phật phải đem hết sức tự lực dứt trừ phiền não, trì niệm cho đến cảnh giới tâm mình và tâm Phật tương ưng. Từ cảnh giới đó hiện đời hành giả được Phật phóng quang tiếp dẫn vãng sinh. Sự tiếp dẫn mới là yếu tố chính của tha lực, vì thế giới Cực Lạc cách xa cõi Ta bà này đến mười muôn ức Phật độ, không phải sức thần thông đạo lực tầm thường có thể đến được, huống nữa là phàm phu! Vì thế cần phải nhờ tha lực tức thần lực của Phật hoặc chư thánh tiếp dẫn. Ví như một học sinh, tự mình biết gắng hết sức chuyên học, dĩ nhiên là điều đáng quý.Nếu trên sự học ấy, lại được vị giáo sư giỏi kèm theo chỉ dạy, tất mức học vấn càng cao thâm, kết quả thi đỗ sẽ là phần đảm bảo. Trên tự lực của hành giả, thêm tha lực của Phật gia trì tiếp dẫn cũng lại như thế.Vậy sự kiện chính mình đã gắng hết sức để tu, lại cầu thêm tha lực cho kết quả mau chóng có phải là một điều hèn yếu lỗi lầm chăng? Sự cao diệu của môn Tịnh độ chính

các bậc đại Bồ tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, các vị Tổ sư như Vĩnh Minh, Trí Giả,

Triệt Ngộ, Liên Trì, cho đến nhiều đấng tôn túc ở các tông, đều khuyến nguyện vãng sinh. Chê niệm Phật là thấp kém chỉ để cho bậc hạ căn tu hành tức là chê chư Bồ Tát, Tổ sư và các vị cao đức đã nói trên. Bảo niệm Phật là hèn yếu, chỉ nương nơi tha lực, tức là chưa hiểu biết về môn Tịnh độ.

2/ Hỏi: Tu Tịnh độ cần phải chứng Niệm Phật Tam Muội, hoặc ít nữa đi đến cảnh giới nhất tâm bất loạn mới được vãng sinh. Như thế thì người hạ căn chưa chắc đã thực hành nổi. Vậy thì kẻ thấp kém ngu tối làm sao được vãng sinh về Cực Lạc? Nếu kẻ hạ căn ngu tối không vãng sinh được, sao gọi là pháp môn niệm Phật thâu nhiếp cả ba căn?

Đáp: Thật ra với căn cơ thời nay, cảnh giới nhất tâm bất loạn trong lúc hiện tiền còn không có mấy người đi đến, huống chi niệm Phật tam muội! Nhưng theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, kẻ tạo ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, chí tâm xứng danh hiệu Phật A Di Đà từ một cho đến mười niệm, liền được Phật hiện đến tiếp dẫn vãng sinh. Thế thì sự nhất tâm được vãng sinh, là chỉ khi lâm chung chứ không phải lúc hiện tiền. Nếu lúc bình thời niệm Phật được nhất tâm. Sau đó lại chuyển hướng tu theo pháp môn khác không cầu vãng sinh, thì làm sao về được Cực Lạc? Mà muốn được nhất tâm khi lâm chung, thì lúc bình thời phải tập câu niệm Phật cho thuần thục. Do bình thời thường niệm Phật, dù chưa được nhất tâm, nhưng chủng tử niệm Phật dồn chứa đã nhiều, lúc sắp chết hành giả khởi niệm Phật nó liền phát hiện mạnh mẽ nên được nhất tâm. Kẻ hạ căn niệm Phật được vãng sinh, thường ở trong tình trạng ấy.

3/ Hỏi: Niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tưởng, chặn đứng phiền não đi đến chỗ vô niệm. Đã như thế thì cứ để tâm thanh tịnh lần lần sẽ tiến vào cảnh giới vô niệm, cần gì phải niệm Phật cho nhọc sức hao hơi?

Đáp: Điểm cứu cánh của pháp môn niệm Phật là niệm Phật Tam Muội, chứng toàn thể của bản tính Di Đà tức cảnh giới Thường tịch quang Tịnh độ. Nhưng mục đích chính yếu và cấp thiết của tông Tịnh độ là cầu vãng sinh để bảo đảm không còn luân hồi mê đọa, cho mau tiến lên Phật quả. Vì lẽ ấy nên hành giả của Tịnh độ tông cần phải niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Chủ tịch của môn Tịnh độ là như thế, không cấp thiết cầu cảnh giới vô niệm, mau chứng tánh bản lai như Thiền tông.

Tuy nhiên, khi thực hành hủ đích này, hành giả phải niệm Phật cho được nhất tâm, nên dù không cầu vô niệm mà cảnh vô niệm cũng hiển bày. Hơn nữa, nhờ công đức niệm Phật giúp sức mau tiêu nghiệp, nên cảnh giới ấy cũng chóng hiển lộ. Ở đây chúng ta thấy mở thêm một tia sáng. Muốn mau được vô niệm, sớm ngộ tính bản lai, lại cần phải niệm Phật.

4/Hỏi: Kinh Kim Cang nói: “Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, bóng bọt” v.v…thế thì cảnh Ta bà đã huyễn, mà cõi Cực Lạc cũng là huyễn.Sao không đi ngay vào bản tâm chân thật, còn cầu về cảnh huyễn làm chi?

Đáp: Thực ra các cõi uế độ và tịnh độ trong mười phương đều dường như mộng huyễn, nhưng khi nào chứng được như huyễn tam muội, mới thấy đó là hư giả. Bằng chưa được như thế, vẫn thấy nó là thật. Vẫn bị nó chi phối, vẫn còn biết khổ vui, vào mùa nắng vẫn khó chịu về sự nóng bức, cho đến việc rất nhỏ như con kiến, con muỗi cắn đốt cũng vẫn còn bị đớn đau. Như vậy sao được gọi như là huyễn? Nên biết môn Tịnh độ là phương tiện nhiệm mầu của Phật, mượn cảnh

như huyễn an vui, để đưa chúng sinh thoát khỏi cảnh như huyễn thống khổ đầy dẫy chướng duyên và hiểm nạn. Rồi từ cảnh an vui như huyễn đó tiến tu dễ dàng, để mau chứng vào cõi chân tâm thường tịch.

Lấy ví dụ như cõi Ta bà này, cảnh gia đình hay nơi thị tứ ồn náo là huyễn, cảnh chùa am hoặc chốn núi non vắng vẻ cũng là huyễn. Nhưng tại sao người tu giải thoát, lại bỏ cảnh gia đình thị tứ tìm nơi chùa am thanh vắng ở núi non? Có phải tại chốn gia đình nhiều bận buộc, cảnh huyên náo khó nhiếp tâm, mà nơi chùa am hay chỗ thanh vắng dễ tu chăng? Cho nên cảnh phàm tình cùng cảnh thánh chứng khác nhau, phàm tình mà đặt mình vào cảnh thánh chứng là điều xa vời trái với thực tế. Ta còn phàm phu hãy cứ theo phận phàm phu mà tuần tự tiến tu, đừng vội đem con mắt thánh nhìn quá cao xa, thành ra vọng ngữ có hại.

5/Hỏi: Trong kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục tổ bảo: “Người Phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sinh Tây Phương, Người Tây Phương tạo tội, niệm Phật cầu sinh về cõi nào?Như thế thì chỉ cốt làm sao diệt được tội, cần gì niệm Phật cầu vãng sinh?

Đáp: Đức Lục Tổ và các vị cao đức bên Thiền tông đứng trên cương vị truyền bá tông chỉ duy tâm, nên mỗi lời nói phải căn cứ theo chỗ lập pháp của mình, đều chỉ ngay vào bản tính, và đều lấy tâm làm chủ. Ý Ngài muốn bảo: Nếu tâm được thanh tịnh, thì tuy ở Ta bà cũng được tự tại giải thoát, tâm không thanh tịnh dù ở Tây Phương vẫn bị khổ não luân hồi. Thật ra người tu Tịnh độ hiểu đạo lý, lời nói của Tổ chỉ có tác dụng khuyến tấn, bảo phải niệm Phật đến chỗ tịnh tâm không còn chấp chướng, chớ không phải bác niệm Phật cầu vãng sinh. Đức Thế Tôn, chư Phật khắp mười phương, chư đại Bồ tát và chư Tổ sư đều khuyên niệm Phật vãng sinh Tây Phương. Hai vị Tổ bên Thiền tông ở Thiên Trúc là Mã Minh, Long Thọ đã chứng sơ hoan hỷ địa, vãng sinh về Cực Lạc. Nếu đức Lục Tổ có ý bài bác sự niệm Phật, thì chẳng hóa ra bài bác Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Chư Bồ tát, các vị Tổ sư và cả hai vị tiền bối trong tâm của mình là Mã Minh, Long Thọ hay sao?Cho nên nếu hiểu lầm rồi đem lời này chê bai niệm Phật chính là bài xích và gieo mối oan cho đức Lục Tổ vậy.

Lại hành môn nào cũng có lý và sự. Lời của đức Lục Tổ là nói về lý, ngoài ra còn có sự tướng của đường tu, cần phải nghĩ đến. Ta thử đặt câu hỏi “Người ở ngoài đời tạo tội, vào chùa am xuống tóc ăn chay giữ giới, tìm nơi thanh vắng tu hành. Người ở chùa am mà tạo tội tìm nơi nào để tu?” Nếu chỉ y theo lý mà bác sự như vậy, thì việc xuất gia đến chùa am, phải ăn chay giữ giới cho đến tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tham thiền đều là lỗi lầm hết sao? Pháp tu Tịnh độ cũng thế, thật ra chẳng phải người ở Đông Phương do tạo tội mới niệm Phật cầu sinh Tây Phương, mà niệm Phật cầu về Tây

Phương chính là muốn mượn cảnh thắng duyên tu hành, để mau chứng lên quả vô sinh giải thoát. Dù người đã tạo nhiều tội, biết hồi tâm sám hối niệm Phật cầu vãng sinh, cũng là vì muốn sớm thoát sinh tử, vẫn không ngoài mục đích này.Còn người ở Tây Phương Cực Lạc cũng không tạo tội, bởi khi đã về cõi ấy, trên có Phật Bồ tát, dưới có các bậc thượng thiện nhân, xung quanh mình tiếng chim nói pháp, tiếng nhạc giỏi kinh, không còn nhọc lòng lo đến vấn đề ăn mặc ở và các sự đau bệnh tai nạn oán thù, đường đạo chỉ thêm tiến lên, đâu còn có duyên gì để tạo tội.

Kết lại, câu nói của đức Lục Tổ nên hiểu chỉ lời khai thị về lý tính thanh tịnh để khuyến tấn mà thôi không nên nghĩ lầm đem nó để bác sự tướng. Người niệm Phật nghe lời này, càng nên cố gắng niệm cho đến trình độ tâm Không mới hợp với ý của Tổ.

6/Hỏi: Ngài Vĩnh Minh Thọ thiền sư là một người Tự tổ trong nhà Thiền, tài trí cơ biện như sấm như gió;trong lòng tâm ai ai cũng tôn Ngài là bậc long tượng cả. Thê mà vì sao ngoài pháp Thiền, Ngài còn chuyên tu về Tịnh độ, lại làm bài kệ "Tứ liệu giảng", có câu rằng: "Có Thiền không Tịnh, mười người chín kẻ sai; có Tịnh không Thiền, tu mấy thì được mấy".

Xét những lời nói đó, tợ hồ quá khen bên môn Tịnh độ, mà quá ép bên Thiền sao?

Đáp: Ngài Vĩnh Minh nói như vậy, thiệt là rất có công trong tông giáo, chớ phải quá khen đâu! Nhưng tiếc cho Ngài chưa được cạn cùng chỗ phát minh, nên còn để cái nghi án cho những Thiền giả như vậy.

Tôi chưa am hiểu pháp môn Tịnh độ cho lắm, song cũng có coi các sách Tịnh độ biết được ít nhiều, vẫn thiệt một môn dễ tu và chắc đặng, cũng là một pháp khó nói và khó tin.

Nên Đức Thích Ca trong thời kỳ hiện tại nói kinh Di Đà cho đệ tử nghe, Ngài vẫn đã biết những chúng sinh ở đời mạt pháp này, ít người có đủ đức tin mà đem lòng khuynh hướng về Tịnh độ được. Vì vậy Ngài mới dẫn lời khen ngợi chư Phật trong mười phương, để làm cái bằng cớ chắc thật, để phá cái màn nghi hoặc, gieo giống tín tâm cho người đó.

Huống chi khi nói kinh gần rồi, Ngài lại nói rằng: "Các ngươi phải biết rằng: Ta ở đời ngũ trược ác thế này, vì cả thảy mọi loài trong thế gian mà nói ra pháp Tịnh độ khó tin này, thật là gian nan".

Xem như vậy, đủ hiểu rằng Phật sợ cho đời sau người không tin thấu, nên Ngài hết sức cạn lời khuyên bảo.

Chúng ta nghĩ đó mà coi: Phật đã đem lòng đại bi cứu đời giảm kiếp, nên một câu nào của Ngài nói ra, thì ai ai cũng tín ngưỡng và vâng làm theo cả; chỉ có cái thuyết Tịnh độ lại còn có kẻ hoài nghi là sao?

Nhưng cái nghi về ấy tưởng không có ý kiến gì lạ, chỉ vì pháp môn Tịnh độ có hai cách đặc biệt như dưới này:

1-Vì pháp ấy là một cửa tu rất rộng lớn; nên cả thảy căn cơ bậc nào cũng thâu nhốt được hết, trên từ các vị Bồ tát bổ xứ cũng sinh về Tịnh độ, còn dưới đến kẻ chồng khờ vợ dại, đảng dữ phe hung, ác thọ chung, chỉ biết ăn năn sự tội lỗi, niệm danh hiệu Phật A Di Đà và một long khuynh hướng về Tịnh độ thì cũng đều được vãng sinh cả. Đó có phải là cửa rộng lớn hay không?

2-Vì trong các pháp tu, chỉ có pháp Tịnh độ dễ dàng hơn hết. Từ lúc phát tâm tu hành cho đến khi thành Phật, thỉ chung không có cái hạnh gì làm cho gian nan lao khổ, cũng không có cái duyên gì làm cho gian nan lao khổ, cũng không có cái duyên gì làm cho sai lạc mê lầm, chỉ giữ bốn chữ "A Di Đà Phật" cho vững vàng, cho chắc chắn, thì được thoát khỏi cõi Ta bà, về được nơi Tịnh độ. Do có phải là pháp dễ dàng hay không?

Cũng vì lẽ rộng lớn như vậy, lạ dễ dàng như thế nên dầu bậc thông minh tài trí cũng chưa tất là khỏi nghi, huống chi là người thường. Vậy biết lời khen ngợi của Ngài Vĩnh Minh là đã nghiên cứu rốt ráo, chớ phải rằng quá đâu!

7/Hỏi: Phật tổ vì độ chúng sinh mà ứng hiện ra đời, thì những người học Phật cũng phải thể theo ý mà lo làm sao cho tỏ đạo để ra tuyên truyền giáo pháp và hóa thân các cõi để cứu độ chúng sinh mới phải; chớ như mấy người đã tỏ được đạo rồi, còn cầu sinh về Tịnh độ, đó là cái chí nguyện chán khổ ham vui một mình, không biết gì đến ai. Có phải từ bi như vậy hay sao?

Đáp: Mới thấy cái trứng gà mà đã muốn chi nó gáy, và mới thấy viên đạn mà đã cầu cho có thịt ăn. Cái hy vọng ấy tưởng còn xa lắm!

Bởi vì sau lúc tỏ đạo rồi, chẳng lẽ cái tập khí hữu lậu của ta trừ hết liền mà không thoái chuyển được. Chẳng lẽ không học thêm các sự tu hành chứng quả trong Phật pháp cho đủ mà được, lại cũng chẳng lẽ sánh bằng các Phật, lộn vào trong cảnh giới sinh tử, không bị các duyên ngăn ngại được?

Nên cổ giáo có nói rằng: Bậc Thanh văn khi xuất thai còn phải ám muội, và bậc Bồ tát lúc cách ấm còn không hiểu biết; huống chi người đời nay giới được chút ít, tỏ được chút định; tự cứu không rồi, mong cứu ai được hay sao?

Giả như thiệt có người tỏ đạo được sâu xa, kiến thức siêu việt và hạnh giải hoàn toàn, chí nguyện hay nóng nảy, về sự độ nhân thì cũng rất tốt. Nhưng e chưa lên được đại vị bất thoái, lực lượng chưa sung, lại ở nhằm đời ác trược, độ những kẻ cang cường, không khác nào đem chiếc thuyền đóng chưa rồi, trét chưa kỹ, mà chở số đông người qua biển đương lúc gió hung sóng dữ, thì chắc không khỏi chìm bỏ mạng với nhau một chỗ.

Cho nên trong Vãng sinh luận có nói rằng: Muốn chơi giỡn ở nơi đường địa ngục, tất phải sinh được về cõi kia, chừng chứng bậc "Vô sinh nhẫn" rồi, mới trở lại trong cảnh sinh tử, cứu khổ cho chúng sinh được.

Vì nhân duyên ấy nên phải cầu sinh về Tịnh độ.

Chúng ta phải biết rằng: Nếu người học đạo mà chưa hiểu thấu rõ cái nguồn cội của tự tâm và vạn pháp thì không thể nào rời Phật ra được. Thí như con còn nhỏ tuổi phải nương theo mẹ, chim còn yếu cánh phải chuyền theo nhành. Đó là lý tất nhiên như vậy.

Nay chúng ta ở về khoảng thời gian này, đức Thích Ca thì nhập diệt đã lâu rồi, còn đức Di Lặc thì chưa tới kỳ xuất thế, như con không cha biết lấy ai mà nương dựa, như trò không thầy biết lấy ai mà hỏi han, vắng trước quạnh sau, đã thành ra cái hiện trạng cô lập.

Gia dĩ trong đường khổ thú bị gây nhân quả buộc ràng, nào cảnh tà ma lắm chuyện thị phi rối loạn, nào tiếng hay sắc đẹp mê hoặc trăm phần, nào đảng dữ phe hoang phỉnh phờ đủ cách, làm cho những người mới vừa tỏ đạo, đều nhân đó mà phải thối lui, phải hư hỏng, không biết là bao nhiêu rồi.

Vì vậy nên Đức Phật Thích Ca mới ân cần chỉ nẻo Tây phương Cực Lạc làm chỗ quy hướng cho chúng ta được về đó hưởng cảnh giới thanh tịnh, khỏi sự nhiễm ô, nghe tiếng pháp nhiệm mầu, mau phần tỉnh ngộ;rồi nhờ Đức Phật Di Đà hiện tiền thọ ký cho nhiên hậu mới đe thân tự tại ứng hiện muôn loài, tùy theo phương tiện mà hóa độ tất cả chúng sinh.

Đến lúc ấy, dẫu cho gặp cảnh nghịch hay là cảnh thuận, cũng không thể nào đánh đổ được cái nhân lực của ta nữa cả. Sự lợi ích đã hiển hiện ra như vậy, có lẽ nói ta tỏ đạo rồi mà không chịu cầu sinh về Tịnh độ được hay sao?

Trong kinh Quán Phật Tam Muội có nói: Ngài Văn Thù thuật chuyện tu nhân đời trước, rằng Ngài chứng được pháp niệm Phật tam muội, thường sinh về cõi Tịnh độ.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Trong mười điều nguyện lớn nhất của Ngài Phổ Hiền, có câu rằng: Ta nguyện trong lúc lâm chung, trừ hết mọi điều chướng ngại, thấy rõ đức Phật Di Đà, liền sinh về Tịnh độ.

Còn trong Khởi tín luận nói: Ngài Mã Minh có cái nguyện cầu sinh, và trong Vô Lượng Thọ luận lại nói: Ngài Thiền Thân có cái tâm nguyện vãng sinh. Cho đến trong kinh Bảo Tích nói: Phật ấn hứa cho phụ vương là vua Tịnh Phạn và bẩy vạn người trong tộc thuộc của Ngài đồng sinh về cõi An dưỡng. Trong Kinh Thập lục quán nói: Phật chỉ cho nàng Vi Đề Hi và năm trăm người thị nữ đồng thấy Phật A Di Đà v.v...

Từ đó về sau, như bên nước Trung Hoa, Ngài Huệ Viễn Thiền Sư lập hội Liên Xã chuyên tu Tịnh độ, Ngài Viên Chiếu Thiền Sư cùng không biết bao nhiêu Ngài khác nữa, đều xiển dương thuyết ấy, nào những kẻ tăng người tục, trước sau nối nhau, cầu sinh về cõi Cực Lạc, không kể xiết được.

Ta hãy lấy công tâm mà xét, kìa như Ngài Văn Thù, Ngài Phổ Hiền là bậc đại Tổ sư, mà còn cầu sinh về Tịnh độ, nguyện thấy Phật Di Đà thay, huống chi người tỏ đạo ngày nay là đứng về địa vị nào, mà không chịu cầu sinh về Tịnh độ. Nói như vậy, chẳng là chỗ chứng ngộ của mấy người ấy hơn được các Ngài đã kể trên hay sao?

Còn vua Tịnh Phạn, bà Vi Đề Hi và các người trong tộc thuộc của Phật, đã chứng đặng bậc "Vô Sinh Pháp nhẫn" trong lúc hiện tiền rồi, Phật còn bảo cầu sinh về Tịnh độ thay, huống chi người đời nay đã thành tựu được cái "nhẫn" ấy chưa, lại đảm đương trách nhiệm nhập tục độ sinh?

Ôi! Những người tỏ đạo chưa thấu nơi thấu chốn và cái chí nguyện thái cao và chỗ hy vọng quá đáng ấy tưởng đã không hóa độ gì được ai, phần mình lại thêm hư hỏng cái căn lành, rồi xa chìm trong biển khổ nữa,thiệt đau đớn thay! Đáng thương xót thay!

8/Hỏi: Tâm là Tịnh độ, tánh là Di Đà, lý thuyết ấy mới hiệp theo cái bổn thể chân thật của ta, không trong không ngoài, không riêng không khác như vậy là đúng.

Thế mà trong kinh luận lại nói: "Tịnh độ là nước Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật: còn Di Đà là ngôi Giáo chủ ở trong nước Cực Lạc. Vậy chẳng là ngoài tâm còn có cửa riêng, ngoài tánh còn có Phật khác hay sao?

Đáp: Nếu nói như vậy, thực là chưa rõ cái thể lượng rộng lớn của tâm, Kinh Lăng Nghiêm nói: "Từ sắc thân cho đến núi sông, đất liền, và cõi hư không, đều là vật ở trong chân tâm mầu nhiệm sáng suốt của ta". Kinh ấy lại nói: "Mười phương hư không sinh trong tâm, cũng như đám mây dính ở giữa hư không".

Vậy thì Tịnh độ ở ngoài mười vạn ức cõi Phật ấy có phải là cõi nào riêng; còn đức Di Đà ở trong nước Cực Lạc kia có phải là Phật nào khác, ngoài được cái tâm của ta đâu!

Còn tâm tức là Tịnh độ, ngoài độ không tâm, cũng như các hột bụi nương theo cõi đất liền, có hột bụi nào mà chẳng gọi là đất được.

Cho nên vi trần quốc độ trong mười phương cũng y như nơi tâm ta mà thành lập, và hằng sa chư Phật trong tâm thể cũng do nơi tánh ta mà phát sinh.

Vậy thì nước Cực Lạc ở ngoài vạn ức cõi Phật, chi không phải là Tịnh độ của duy tâm; ngôi giáo chủ ở trong nước Cực Lạc, chi không phải là Phật Di Đà của tự tánh.

Xét như một cái tâm hàm đủ mười cõi hiện cả muôn pháp như vậy, thì tâm với độ vẫn không ngăn ngại, Phật với chúng sinh nào có riêng khác.

Chúng sinh ở trong tâm của chư Phật, còn chư Phật ở trong tâm của chúng sinh, đâu đâu cũng là Tịnh độ, niệm niệm đều là Di Đà. Sở dĩ Phật hằng kiếp chúng sinh trong thập phương luôn luôn, mà không dời gót khỏi Liên tọa; còn chúng sinh hằng sinh về nước Cực Lạc mãi mãi, mà không đem thân ra khỏi hồng trần.Cái lý "Tâm độ dung thông, sinh Phật bình đẳng", rõ ràng như vậy, còn có cái gì nghi hoặc cho ta nữa đâu!

Ôi! Cái tâm Tịnh độ và cái tánh Di Đà ấy, đã biết rằng ai ai cũng sẵn có đủ; nhưng chưa tới địa vị đó, thì không thể nói được.

Chúng ta thử xem như cõi Ta bà này có những đất vàng, ao báu, sen ngọc, cây huỳnh hay không?Hay là cõi núi, rừng, đất, đá, hầm, hố, chông gai đó?

Trong cõi này lại có sáu thú, bốn loài, ba đường, tám nạn, có phải là cảnh vui của chư Phật hay không?Hay là chỗ chúng sinh thọ khổ đó?

Còn thử xem Phật Di Đà, thì từ quốc độ của Ngài cho đến sự sống lâu, sáng suốt, từ bi, thệ nguyện, trí huệ, thần thông, và phân thân tiếp chúng thuyết pháp độ sinh, thảy đều là trang nghiêm cụ túc tất cả.Vì vậy thì chúng ta hãy xét lại coi phận mình có được sẵn đủ như vậy hay không?

Nếu đủ, thì tha hồ muốn nói tánh, nói dọc nói ngang gì cũng được, thí như người học nghề cầm gươm hay cầm gươm múa giữa hư không, thì muốn chém trái chém mặt, chém ngược chém xuôi gì cũng không đụng chạm đâu cả.

Còn như chưa sẵn đủ như Ngài, mà tự xưng là Di Đà, ví chẳng khác một tên dân ngu hèn mà có mộng đế vương, chắc có lẽ bị phạm tội tru diệt, chớ không phải sự tầm thường.

Vậy chúng ta không nên theo lý mà mê sự, nói tánh mà quên tướng, và nhất là chấp mê mà chiêu cái tội báng pháp, dầu ngày sau muôn Phật ra đời, cũng không thể nào cứu được.

9/Hỏi: Chư Phật ở trong mười phương, thì chúng sinh ta thân cận với Ngài nào cũng được, cớ sao lại cứ tôn vinh một mình đức A Di Đà mà bảo phải niệm và phải cầu Ngài là lý gì?

Đáp: Cứ theo lý tánh mà bàn, thì đức Phật Di Đà và cả thảy các Phật cũng đồng một thân một trí, và chỗ ứng dụng vậy, chớ không phải khác, nên phần thân cận của chúng sinh đối với Ngài nào lại không được.

Nhưng nói về phận đức dụng, thì Phật Di Đà có ba cái nguyên nhân như dưới này, làm cho thập phương chư Phật cũng đồng khen ngợi và đồng tôn vinh, sự quan niệm của chúng ta đối với Ngài lại càng mật thiết hơn nữa.

Sao lại gọi là ba nguyên nhân?

1/ Vì chỗ nhân địa về đời quá khứ của Ngài có phát lời thề nguyện rất lớn. Xin được kể dưới đây:

“Nếu khi ta thành Phật, có chúng sinh nào muốn sinh về nước ta, hoặc nghe cái danh ta, tu các sự lành hay là xưng hiệu ta từ một cho đến mười niệm mà không được vãng sinh, thì ta thề chẳng chứng bậc chánh giác.Bằng như chúng sinh nào đã về nước ta rồi, mà còn sự thối chuyển, không quyết định thành Phật được, thì ta cũng thề chẳng chứng bậc chánh giác”. Vậy nên gọi là nguyện lớn.

2/Vì Ngài có nhân duyên với chúng sinh ở cõi này.

Coi như hồi Phật Thích Ca tại thế, thì những chúng sinh nghe lời giáo hóa của Phật mà quy hướng về đức Di Đà, cũng đã nhiều đến vô biên vô lượng.

Còn khi Phật nhập diệt rồi, thì những chúng sinh ở đời mạt pháp, nào là kẻ tăng người tục, kẻ sang người hèn, nào là đàn ông đàn bà, con trai con gái, hễ có nghe được Phật giáo chút ít, chẳng có ai là người không tin tưởng về cái thuyết “Cầu sinh Tịnh độ” cả.

Dẫu cho những hạng người ngoan ngu bạo ác không tin gì cả, mà khi thấy cái cảnh nguy hiểm khốn nàn, hay là phát ra lời khen ngợi ta oán gì, hễ mở miệng thì tự nhiên đã kêu "A Di Đà Phật".

Đó là không ai khuyên mà nói ra, chẳng ai dạy mà làm được, chẳng phải là có nhân duyên với chúng ta hay sao?

Vả lại Phật nói trong kinh Vô Lượng Thọ rằng: "Ta nói kinh này khiến cho thấy được thân tướng và quốc độ của Phật Vô Lượng Thọ, hễ việc nên làm thì phải cầu mà làm, chớ không được lấy cớ ta diệt độ rồi mà sinh lòng nghi hoặc. Qua đến đời sau, thì các kinh diệt hết, nhưng ta vì lòng từ bi thương xót chúng sinh, nên chỉ lưu lại kinh này trụ thế một trăm năm. Nếu ai được gặp, thì túy chỗ ý nguyện của mình, đều nhờ thần độ thoát tất cả".

Phật lại nói nữa rằng: "Sau khi kinh này diệt rồi, thì Phật pháp toàn không có nữa, chỉ lưu lại có bốn chữ "A Di Đà Phật" mà cứu độ chúng sinh đó thôi. Nếu ai không tin mà chê bai, thì phải đọa vào địa ngục mà chịu những sự thống khổ".

Cho nên Ngài Thiên Thai nói: "Phải biết đức Phật kia rất có duyên với đời ác thế này". Vậy nên gọi là có duyên.

3/ Vì sự giáo hóa của đức Di Đà có phần tương quan với Phật Thích Ca.

Trong kiếp quá khứ, thì đức Di Đà làm ngôi chuyển luân vương, tên là Vô Tránh Niệm: còn đức Thích Ca thì làm quan đại thần tên là Bảo Hải. Hai vua tôi đồng ở nơi thời kỳ Đức Phật Bảo Tạng mà phát bồ đề tâm.

Khi ấy, đức Thích Ca thì nguyện ở cõi Ta bà, đem những sự uế trược, sự cực khổ, sự thọ ích và sự tà ma não loạn mà giáo hóa chúng sinh, khiến cho nhàm chán xa lìa, mong thoát khỏi vòng sinh tử.

Còn đức A Di Đà thì nguyện ở cõi Cực Lạc, lấy sự thanh tịnh, sự an vui, sự sống lâu, và sự không thối chuyển mà bày tỏ cho chúng sinh, khiến đều khởi lòng ham mộ, rồi đem về cảnh giới vô vi.

Xem như vậy, thì biết sự hóa đạo của hai Ngài, thực là có phần liên quan đến nhau.

Vả lại, đương thời kỳ đức Thích Ca hiện thế, nói kinh Tam thừa giáo hóa chúng sinh, thì những số mà Ngài chưa độ được, đức A Di Đà độ cả.Cho nên trong các kinh Đại thừa, Phật hằng ân cần khen ngợi, khuyên bảo về sự vãng sinh là vì thế. Vậy nên gọi là tương quan.

Chúng ta phải biết rằng: Cũng bởi có ba nguyên nhân đã nói trên đó, nên chư Phật trong tam thế cũng chỉ tôn vinh đức A Di Đà, mà chúng sinh cả mười phương đều nguyện sinh về cõi Tịnh độ.

Vậy chúng ta cũng nên sớm phát tâm tri niệm, gắng chí cầu sinh, đến một ngày kia hầu dựa kề bên bóng quang minh, mà nương gởi cái thân thanh tịnh, tỏ long chân giác va chứng quả vô sinh. Khi ấy mươi phương chư Phật cũng đồng thọ ký cho ta, chớ đợi gì ta phải thân cận. Như vậy chẳng là chính đáng hay sao?

10/Hỏi: Nếu người tu hành chán bỏ chỗ khổ, ham tới chỗ vui, thì tâm còn nhiễm trước sự thương sự ghét, phân biệt cảnh tịnh cảnh uế như vậy, e chưa phải là chính đáng chăng?

Đáp: Ôi! Sự nhiễm trược ấy không phải như các món nhiễm trược ở thế giới; còn sự phân biệt ấy không phải như các thứ phân biệt về vọng tưởng. Chính là một phương pháp "Chuyển phàm thành thánh" rất quý báu của chư Phật trong mười phương đã từng làm và đã từng dùng, dạy bảo chúng sinh làm theo cách chứng nghiệm vậy.

Chúng ta phải biết rằng: Nếu không chán bỏ cái khổ và cái uế ấy, làm sao chuyển được thân phàm?còn nếu không ham muốn cái vui và cái sạch kia, làm sao thành được bậc thánh?

Cho nên từ phàm phu mà dự được thánh vị, rồi do thánh vị lần đến bậc Đẳng Giác, trải mấy phen từ thấp lên cao, cũng không khỏi cái tâm nham bỏ và ưa muốn ấy. Nếu lúc nào chứng ngôi Diệu Giác là cực quả rồi, thì khi ấy mới dứt hết điều thủ xả mà thế lý vô vi đặng.

Nên tiên đức nói rằng: "Nếu trong cải thủ xả ấy cùng cực rồi thì đối với cái không thủ xả kia cũng chẳng khác là vậy đó".

Pháp môn Tịnh độ là một cái cơ ứng hóa của đức Thích Ca và đức A Di Đà đồng tạo lập ra.Phật này chỉ bảo cho chúng sinh chán bỏ chỗ khổ, còn Phật kia thì dắt dẫn chúng sinh về tới chỗ vui.

Nếu ta do cái tâm phân biệt lựa chọn ấy mà lìa được cõi này, về được cõi kia, rồi nhờ lấy thắng duyên đó mà thẳng tới lúc thành Phật, thì sự thủ xả có phụ phàng gì với ta đâu.

Thí dụ một chuyện này thì đủ hiểu.Giả như ta ở nhằm chỗ bùn lầy dơ bẩn, đi đâu thì thấy tay lấm chân bùn, thân hình lem luốc, không có cái gì là quang cảnh vẻ vang. Nếu có người chỉ cho ta một chỗ cao ráo sạch sẽ, có khe nước trong trẻo hằng năm chảy hoài, rồi bảo ta tới đó mà ở, trước là tắm gội cho hết sự ô nhiễm trong thân hình, sau là an hưởng phần sinh hoạt cho được cách tiêu sái,v..v..Vậy ta có nghe lời theo hay không?

Nếu ta nói: Bỏ chỗ dơ, đi tới chỗ sạch, thì tâm ta còn lựa chọn, chưa phải là tự nhiên, mà ta cứ đành chịu dơ vậy hoài, thì cái tâm ấy tức là tâm cố chấp.

Còn như ta nghe người nói, mà trong lòng vui mừng hớn hở, nong nã đi tới cảnh khe trong nước tốt kia, đặng làm chỗ thê thác và rửa sạch cái thân dơ bẩn luôn thể, thì trong lúc ta sạch rồi đó, nghĩ coi còn có tâm gì lựa chọn nữa hay không?

Vậy thì biết rằng: Nếu còn có sạch, có dơ, có khổ, có sướng, đối đãi với nhau, thì tâm còn có chán, có ưu phân biệt, lựa chọn. Chớ như thiệt hết dơ rồi, và không tự biết cái gì là sạch nữa, thì tâm thủ xả đâu còn mà chúng ta cần phải cố chấp như vậy.

11/Hỏi: Nếu niệm Phật mà sinh về Tịnh độ, thì chẳng là trái hẳn với cái lý vô sinh chăng? Huống chi người đời nay, ai ai cũng nghi nước Cực Lạc xa cách đến mười vạn

ức cõi Phật e lúc lâm chung khó nỗi đi đến đó được, thì lấy cái thuyết gì mà nói cho họ hiểu được?

Đáp: Ngài Thiên Thai nói rằng: "Người trí hăng hái cầu sinh về Tịnh độ nhưng thông suốt cái sinh thể vẫn không có, tức là sinh mà thiệt không sinh. Còn kẻ ngu thà bị cái sinh ấy ràng buộc, hễ nghe nói sinh thì chắc rằng sinh thật; chớ có biết sinh tức là không sinh, mà không sinh tức là sinh đâu!

Ngài Trường Lô nói rằng: " Lấy sinh làm sinh thật, tức là lỗi về phần thường kiến, lấy không sinh làm không sinh thật, tức là lầm về đoạn kiến. Còn như sinh mà không sinh và không sinh mà sinh, ấy mới thật là nghĩa đế thứ nhất".

Ngài Thiên Y lại nói rằng: "Sinh thì quyết định sinh, mà đi tới thì thật không đi tới đâu cả".

Cứ như lời nói của ba Ngài dẫn chứng trên đó, thiệt ý nghĩa rất minh bạch.Vậy nay xin lấy hai chữ "Tánh tương" mà giải rõ cái lý "sinh và không sinh" ra dưới đây:

Cái diệu tánh chân như của ta vẫn là thanh tịnh như gương trong, như nước đứng, không động không lay, không đi không tới, đó là nghĩa "Không sinh". Nhưng vì nhân duyên hòa hiệp mà hiện có cái tướng "sinh", cũng như tượng ở trong gương, bóng ở trong nước, đó nghĩa là "sinh".

Bởi tánh hay hiện tướng, cho nên không sinh mà tức là sinh; còn tướng do nơi tánh mà hiện ra, chớ tự thể không có, cho nên sinh mà tức không sinh. Như vậy thì biết sự sinh về Tịnh độ có trái gì với cái lý vô sinh đâu!

Chí như sự nghi cõi Cực Lạc là xa, thì trước đã nói: Ngoài tâm không độ, ngoài độ không tâm, là hết lý rồi; còn có chuyện gì mà nói nữa.

Chúng ta chỉ nhận lầm cái tâm ở trong xác thịt mà chẳng biết tâm lượng của ta vẫn là to lớn; thập phương hư không tuy rộng, mà cái tâm ta bao trùm hết thảy,hằng sa chư Phật tuy nhiều, mà tâm ta quán khắp tất cả.

Vậy thì mười vạn ức cõi Phật cũng ở trong tâm ta, chớ ta phải đi đâu mà gọi rằng xa. Còn đến khi mạng chung vãng sinh thì cũng sinh trong tâm ta, chớ ta phải về đâu mà gọi rằng khó.

Trong Quán Kinh nói rằng: "Quốc độ của Phật Di Đà cách đây không xa".

Còn trong Tự tín lục lại nói rằng: "Tuy cách mười vạn ức cõi trong giây lát đi đến".

Huống chi sự sinh về Tịnh độ cũng như người ngủ chiêm bao thân tuy nằm tại giường tâm ý thức đi khắp phương nọ phương kia, cái đi ấy có phải là xa đâu.

Nay cứ lấy cái tâm ở trong xác thịt của người mà thí dụ như vậy, đủ hiểu:

Giả như ở nước ta sang nước Pháp, đi đường biển gần một tháng mới tới, thiệt xa biết bao nhiêu! Nếu có người nào lâu nay tuy chưa đi tới mà đã từng xem sách, hay là nghe kẻ khác thuật

chuyện cảnh trí và nhân vật ở bên nước Pháp lại ghi nhớ vào tâm, rồi ngày sau, bất luận trong lúc đi đứng nằm ngồi hễ chợt nhớ đến chuyện bên nước Pháp, thì tự nhiên tâm nghĩ tới liền.

Nếu chúng ta biết lấy đó mà so sánh, thì cái lý "sinh về Tịnh độ" cũng dễ và cũng mau như vậy chớ không khác gì.

12/Hỏi: Trong Quán Kinh nói rằng: "Hoặc có kẻ chúng sinh nào làm những sự ngũ nghịch thập ác, đủ điều bất thiện, đáng lẽ bị đọa vào địa ngục mà thọ khổ, nhưng đến lúc lâm chung gặp người tri thức khuyên bảo niệm "Nam mô A Di Đà Phật" mười lần rồi cũng vãng sinh về Tịnh độ, thì có lý gì mà lại được dễ như thế?

Đáp: Cứ như trong Quán Kinh nói đó, là vì niệm Phật được tiêu tội lỗi và lại nhờ có nguyện lực rộng lớn của Phật Di Đà, nên được vãng sinh.

Nay giải thích thêm ba nghĩa như dưới đây:

1/ Những người đến lúc lâm chung, là sự bỏ thân rất gấp. Vì gấp nên sợ, vì sợ nên niệm, tuy có ít mà tâm quyết đoán, sức dõng mãnh gấp hơn ngày thường đến thiên vạn ức phần, cảm đến Phật, tiếp dẫn cho vãng sinh.

2/ Những người tuy là tạo ác, mà lúc hiện thế đã thường tu pháp tam muội nên khi lâm chung, gặp người khuyên bảo niệm Phật, thì định tâm để được thành tựu, hay là lúc hiện thế không tu, mà nhờ có thiện nghiệp kiếp trước nên khiến người trí thức khuyên bảo được thập niệm thành công như vậy.

3/ Nếu những người ấy không phải thiện nghiệp kiếp trước và không phải hiện tu kiếp này thì trong lúc niệm Phật, chắc có lòng hối tội rất thiết nên niệm Phật được nhất tâm, vãng sinh về Tịnh độ được.

13/Hỏi: Những người ở đời ngũ trược ác thế này, nếu không phạm tội lớn, thì cũng phạm tội nhỏ, chớ ai lại khỏi được: hằng không sám hối cho tiêu diệt mà chỉ niệm Phật trong lúc lâm chung, chắc có thể vãng sinh được không?

Đáp: Nếu trong lúc lâm chung mà giữ được chánh niệm, thì toàn nhờ cái nguyện lực rộng lớn của đức Phật Di Đà, chắc được phần vãng sinh.

Trong kinh Na Tiên nói rằng: "Nếu chất trăm cục đá lớn để lên trên thuyền, nhờ sức thuyền chở khỏi chìm; nếu không có thuyền, thì dẫu một viên đá nhỏ cũng phải bị chìm.

Đó là thí dụ về những người ở thế, nếu một đời làm ác mà lúc lâm chung biết hồi tâm niệm Phật, chẳng đọa vào địa ngục. Còn như người không chịu niệm Phật, tuy làm điều tiểu ác, cũng phải đọa vào địa ngục, huống chi là đại ác"

Vậy thì biết rằng Phật lực dụ như chiếc thuyền, còn ác nghiệp thì như cục đá. Lý cũng rõ ràng như vậy:tưởng không sự gì nghi nữa.

Coi như thủa xưa, người ở Châu Phần lấy nghề giết trâu mà làm phương sinh nhai, đến lúc lâm chung thấy một bầy trâu theo húc báng trong thân thể, đau đớn vô cùng.

Còn Trương Chung Quỳ lấy nghề làm thịt gà độ nhật, đến khi gần chết, thấy một vị thần nhân lùa bầy gà vô mổ hai con mắt, máu chảy đầy giường, hai người ấy ác nghiệp rất nặng như vậy, biết hồi tâm niệm Phật, rồi cũng đều được vãng sinh về Tây Phương cả. Vậy chẳng phải là nhờ có nguyện lực của đức Di Đà hay sao?

Cho nên trong sách Tây tư sao nói rằng: "Sự được sinh về Tịnh độ là nhờ có Phật lực: Đức Di Đà thì nghiệp tiếp dẫn, đức Thích Ca thì khuyên khen, còn các đức Phật khác thì hộ niệm, cũng như người đi qua biển lớn, đã được chiếc thuyền to, lại có người dẫn đường và gặp được gió thuận nữa, chắc mau tới bên bờ kia được".

Nay chúng ta muốn qua khỏi biển sinh tử, đặng tới cõi Niết Bàn, vậy có chịu lên thuyền đại nguyện mà đi, hay là đành một bề chấp mê ở trong dòng ngũ trược này thọ khổ?

14/Hỏi: Những người một đời tạo ác để đến lúc lâm chung mới niệm Phật, rồi cũng nhớ cái nguyện lực của đức Di Đà tiếp dẫn cho vãng sinh, không thối chuyển nữa, vậy thì chúng ta cứ lo làm việc thế gian, để đợi lúc lâm chung rồi sẽ niệm Phật được không?

Đáp: Câu hỏi ấy chẳng những lầm nội phần mình mà thôi, lại làm cho kẻ tăng người tục, không biết bao nhiêu người lầm nữa.

Trong khoản trước đã nói rằng: Những kẻ nghịch ác phàm phu, lúc lâm chung niệm Phật được vãng sinh, là nhờ có thiện căn phước đức ở nơi kiếp trước, nên mới khiến gặp được người tri thức dạy bảo cho mà biết đường niệm Phật. Những bon ấy là bọn gặp may, trong muôn người không được một hai, chớ phải là ai ai cũng được như vậy đâu!

Trong sách Quần nghi luận có nói rằng: "Trong đời, những người đến khi chết không niệm Phật được có mười hạng kể ra dưới đây:

1/ Hoặc chẳng gặp người tri thức nên không ai khuyên niệm Phật;

2/ Hoặc nghiệp khổ buộc trong thân thể nên không rảnh mà niệm Phật;

3/ Hoặc trúng gió tắt tiếng, nên không xưng niệm hiệu Phật được;

4/ Hoặc cuồng loạn trong tâm trí nên niệm Phật không được;

5/ Hoặc bị chết chìm chết thiêu nên không kịp niệm Phật;

6/ Hoặc gặp nạn hùm gấu lại không ai nhắc bảo mà niệm Phật;

7/ Hoặc gặp kẻ ác hữu khuyên những sự tà rồi tin theo mà không niệm Phật;

8/ Hoặc ăn no quá độ rồi bị hôn mê mà chết nên không niệm Phật được;

9/ Hoặc bị chết trong trận giặc mà không kịp niệm Phật;

10/ Hoặc té xuống núi cao mà chết, nên không niệm Phật được.

Những sự chết hại người đã nói trên đó, lâu nay ai ai cũng từng tai nghe mắt thấy, chẳng luận là kẻ tăng người tục, kẻ già người trẻ. Nếu bị nghiệp đời trước xảy tới, hay là nghiệp đời nay xảy ra, thì ai gặp phải chịu lấy, chớ không thế gì trốn tránh cho khỏi.

Chúng ta không phải là người đã được “túc mạng thông”, làm sao biết chắc rằng lúc lâm chung có nghiệp hay là không nghiệp?Lại cũng không được “tha tâm thông” và “Thiên nhãn thông”, làm sao biết chắc rằng lúc lâm chung chết tốt hay là chết xấu, đặng ngăn ngừa trước.

Nếu có xảy ra một cách chết như mười hạng người đã kể trên đó, thì dẫu cho các bạn tri thức đứng vây bốn phía mấy trăm mấy ngàn người đi nữa, thì cũng không thể gì cứu kịp rồi phải đi theo nghiệp duyên mà thọ những điều tội khổ. Đến lúc ấy, cần nghe danh hiệu của Phật cũng không được, huống chi là niệm.

Giả như chúng ta chỉ đau bình thường, chớ không có ác duyên gì lạ, thì cũng không khỏi con dao gió cắt đứt trong thân thể, làm cho tứ đại chia lìa, như rùa bị lột vỏ, như cua bị nước sôi. Trong lúc đau đớn và sợ hãi ấy, chúng ta cũng không thể gì niệm Phật được.

Giả như không đau mà chết, vì bị việc đời chưa rảnh, dục niệm còn vương, rồi tham sống sợ chết, rồi loạn tâm thần, gia dĩ của cải chưa chia, việc sau chưa tính, vợ than con khóc, trăm mối ưu sầu thì cũng không thể niệm Phật được.

Giả như trong lúc chưa chết, có vương vấy chút bệnh gì, chịu khổ không được, bực tức rên la, kiếm thuốc tìm thầy, trăm phương cầu khẩn, tưởng xăng nghĩ chạ, tạp niệm luôn luôn, thì không thể gì niệm Phật được.

Giả như trong lúc chưa đau, bị tuổi cao tác lớn, thân thể gầy mòn, chân yếu gối dùn, mắt lòa tai điếc, buồn rầu than thở, khốn đốn trăm phần, rồi ngày kia tháng nọ, chỉ lo sắp đặt những công chuyện ở trên cái thân suy lão ấy không rồi, có đâu mà niệm Phật được.

Giả như trong lúc chưa già, chính là thời kỳ đang trẻ mạnh, bị tình trần chưa hết, việc tục còn đeo, nay tính sự này, mai toan sự nọ, nghĩ quẩn lo quanh, theo đường nghiệp thức, cũng không rảnh rang mà niệm Phật được.

Giả như không vướng việc đời theo phần học đạo, thanh nhàn tự tại, quyết chí tu hành, lại bị những sự hiện tượng trên thế gian có chút gì xét không thấu, buông không rời, nắm không vững, dứt không đứt, thì cũng không thể gì định tâm mà niệm Phật được.

Nên chúng ta hãy xét coi như trong lúc già, lúc bệnh, lúc trẻ mạnh, và lúc thanh nhàn đã nói trên đó, mà có một sự gì vương vấn trong lòng, còn niệm Phật không được thay, huống chi đợi lúc lâm chung và để lo cho hết thế gian rồi sẽ niệm Phật có phải là tính lầm hay không?

Ôi! Sự nghiệp trong thế gian như chiêm bao, như đồ mỵ, không có cái gì là thiệt hiện và cũng không có cái gì là thế được sự sinh tử; dẫu chúng ta có làm chùa to lớn, chứa của cho nhiều, chưa rõ biết được sự sinh tử, đi lại cũng kết thành một cái gốc khổ. Đến lúc nhắm con mắt rồi, chịu nỗi đắng cay, chúng ta mới biết lại chỗ hành vi trong khi bình nhật đều là dưới vạc dầu sôi mà thêm than thêm củi, trên rừng gươm bén thêm mác thêm dao, hễ mất thân người, thì muôn kiếp khó hườn lại được.

Vậy nên Phật Tổ tìm hết cách phương tiện mà dẫn, cạn hết lời trung khúc mà tỏ bày, đều khuyên bảo chúng ta phải sấn tới trong lúc chưa già và chưa bệnh, ném quăng thế sự, chui mài thân tâm, hễ được quang cảnh một ngày, niệm Phật hiệu trong một ngày, hễ được công phu một buổi, tu tịnh nghiệp trong một buổi, chớ có ai bảo đợi hết công việc để đến lâm chung rồi sẽ niệm Phật như thế đâu?

Ngài Tử Tâm Thiền sư có nói rằng: "Trong thế gian có nhiều kẻ của tiền như núi, thê thiếp đầy nhà, ngày xem hoa, đêm thưởng nguyệt, cuộc cờ trường hạ, chén rượu du xuân, cùng cực nỗi phong lưu hào hứng, họ cũng muốn sống lâu hưởng thọ những điều khoái lạc ấy".

Nhưng cái "số mạng hữu hạn" cứ thôi thúc những sự già và sự yếu mà mình không hay, một mai con quỷ vô thường tới nơi, thì quyết định phải đi chớ không thể gì hẹn hò và chậm trễ trong giây lát được.

Tưởng những sự ấy, ai ai mắt cũng từng thấy, tai cũng từng nghe nào kẻ tuổi xanh nào người sức mạnh, đã chết không biết là bao nhiêu.

Nên cổ nhân nói rằng: "Chớ đợi đến già rồi niệm Phật, mồ hoang biết bao kẻ tuổi còn xanh".

Vậy thì chúng ta có thể hẹn đến lúc lâm chung rồi sẽ niệm Phật được không.

Nếu chúng ta biết nghĩ rằng: Người ở đời dẫu cho trăm năm cõi thọ, thấm thoát cũng chẳng mấy giây, như lửa trong đá, như chớp giữa trời, thấy đó rồi mất đó chớ không ích gì cả.

Vậy ta phải sấn tới trong lúc chưa già và chưa bệnh mà xa lần thế sự và lo sửa thân tâm. Hễ được quanh cảnh một ngày, ta niệm Phật hiệu một ngày, hễ được công phu một buổi, ta tu tịnh nghiệp một buổi, tha hồ đến lúc lâm chung, chết tốt hay là chết xấu, sự sắp đặt của ta vững vàng, đường quy hướng của ta cũng đã nhất định. Như vậy chẳng phải là an tường tự tại hay sao?

15/Hỏi: Có nhiều người cũng biết pháp môn Tịnh độ là dễ tu mà lại chắc đặng. Nhưng rủi gặp cái duyên cảnh gì trở ngại, thì họ đã bỏ tu, rồi lại nói rằng: "Tịnh độ là do việc thân sau, chớ không bổ ích gì trong hiện thế. Như vậy thì phán đoán làm sao cho họ biết rõ?

Đáp: Ôi! Pháp tu Tịnh độ chẳng những đến khi lâm chung được nhờ Phật tiếp dẫn vãng sinh và khỏi bị luân hồi sinh tử về thân sau mà thôi, đến khi trong lúc hiện thế này cũng là một môn rất lợi ích cho người nữa.

Bởi vì Phật pháp dạy người, như nói về phần sự tướng, chẳng qua là một việc làm lành đó thôi.

Nếu người tu Tịnh độ, tức là người ấy đã biết hồi tâm hướng thiện, tất nhiên trong lúc ngày bình thường, từ cái tâm suy nghĩ, cái miệng nói năng, cho đến cái thân ra hành động sự gì, cũng chắc là việc hiền lành cả.

Nếu “thân, khẩu và ý”, ba nghiệp ấy đã hiền lành thì tự nhiên chiếm được địa vị “thiện nhân quân tử”, người thế kính yêu, thánh thần ủng hộ, rồi do đó mà phước duyên đầy đủ, thọ mạng lâu dài. Cái hiện trạng xuân sắc trong gia đình lại một ngày một vẻ vang đẹp như gấm, tươi như hoa, trăm phần mỹ mãn.

Như vậy có phải là lợi ích cho lúc sinh tiền đó hay không?

Còn như người nào bị nghiệp duyên ràng buộc và hoàn cảnh đánh đổ, làm cho không chuyên tâm tận lực về sự tu Tịnh độ, nhưng biết giữ chí cho bền và không hề thối chuyển, cái ác duyên cũng từ đó giảm bớt và cái thiện duyên cũng từ đó mà thêm lên.

Nếu ác duyên cứ giảm mãi mà không thôi, chắc có ngày tiêu mất, còn thiện duyên cứ thêm hoài mà không ngớt, cũng chắc có lúc thuần toàn, rồi thành được cái danh vọng người hiền nhân.

Như vậy có phải là lợi ích cho lúc sinh tiền đó hay không?

Rất đỗi những hạng người không biết lễ nghĩa, không sợ hình phạt, giữ thói cang cường, theo đường thế sự, mà nếu biết lấy pháp môn Tịnh độ là chỗ quy tâm tức là biết tự xét mình mà ăn năn những sự lỗi lầm, chỗ hành vi tuy chưa tất hiệp theo đường lễ nghĩa, cũng được gần với lễ nghĩa, tuy chưa tất vượt khỏi hình phạt, cũng được điều hình phạt, rồi lần lần thoát được cái cảnh giới tiểu nhân, về nơi môn đình quân tử.

Như vậy có phải là lợi ích cho lúc sinh tiền đó hay không?

Trong kinh nói rằng: Những người thọ trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà, thì lúc hiện thế được mười món lợi ích rất lớn như sau này:

1/ Ngày đêm thường có các bậc Thiên thần ẩn hình mà ủng hộ;

2/ Thường có 25 vị Bồ tát như bậc Ngài Quán Thế Âm và cả thảy các vị Bồ tát khác nữa, hằng theo mà giúp đỡ;

3/ Thường được các đức Phật ngày đêm hộ niệm và đức Phật A Di Đà hằng phóng hào quang mà nhiếp thọ cho nữa;

4/ Tất cả các thứ quỷ dữ, như quỷ Dạ xoa, quỷ La sát, đều không dám hại, những loài rắn độc, rồng độc, cùng thuốc độc, cũng không thể gì làm cho nguy hiểm được;

5/ Nào những nạn lửa, nạn nước và oán thù gươm mác, cũng không hại được;

6/ Những tội nghiệp kiếp trước của mình làm cũng đều tiêu hết, còn các loài sinh vật lâu nay bị mình giết hại đó, cũng được nhờ phần giải thoát, khỏi sự oán báo;

7/ Đêm ngủ chiêm bao thường thấy những sự chân chính, và có khi thấy được tường hảo của Phật Di Đà nữa, chớ không khi nào thấy ác mộng;

8/ Tâm thường vui vẻ, sắc thường tươi nhuận, khí lực thường khỏe mạnh, mà hành động sự gì cũng được phước lợi;

9/ Người đời ai thấy cũng yêu vì, cúng dường và hoan hỷ lễ bái, mà kính trọng cũng như Phật;

10/ Đến lúc lâm chung, trong tâm không sợ hãi mà giữ được chánh niệm lại được thấy Đức Phật A Di Đà và các vị thánh chúng cầm hoa sen vàng, tiếp dẫn về nước Tịnh độ, hưởng thọ những điều khoái lạc vô cùng vô tận.

Coi qua mười điều lợi ích của Phật đã nói trên đó, chúng ta đủ biết sự niệm Phật đã lợi ích cho lúc lâm chung, cũng lợi ích ngay hiện tại.

Như vậy có phải là siêu việt hơn các pháp môn khác hay không?

16/Hỏi: Xưa nay thấy người niệm Phật thì nhiều mà vãng sinh thành Phật thì có ít là sao?

Đáp: Người đời niệm Phật thì nhiều, mà vãng sinh thành Phật lại ít, là vì có ba nguyên nhân sau này:

1/ Miệng tuy niệm Phật, mà trong tâm nghĩ lắm sự ác; vì vậy nên không được vãng sinh.

Nên biết rằng mình là người niệm Phật, thì phải tuân theo những lời Phật dậy, tích đức tu nhân, làm điều chân chất, hiếu dưỡng cha mẹ, trung với nước nhà, vợ chồng kính nhau, giữ lòng công bình chính trực mà lập thân, lấy điều thành tín nhu hòa mà xử thế, từ bi phương tiện, thương xót mọi loài, không nên sát sinh hại vật, mà chẳng nên khinh dễ người hèn.

2/ Miệng tuy niệm Phật, mà trong lòng tưởng xằng nghĩ chạ; vì vậy không được vãng sinh.

Nên biết rằng trong lúc mình niệm Phật, thì phải dẹp bỏ các sự tư tưởng giữ cho sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật phân minh, một lòng an định, thường nghĩ như thân mình ở tại cõi Tịnh độ, mặt mình đối với đức Phật A Di Đà, không dám chút nào tán loạn.

Như vậy mới thiệt là niệm Phật, mà chắc được thành Phật.

3/ Miệng tuy niệm Phật mà trong lòng quyến luyến cõi nhân gian và tham cầu sự phú quí; vì vậy nên không được vãng sinh.

Nên biết rằng sự phước lạc ở các tầng trời là cực điểm, đến khi hết rồi, còn phải đọa thay, huống chi sự phú quí cõi nhân gian là giả tạm mà tham cầu chi cho mệt.Vậy phải nghĩ thân

người khó được pháp Phật khó nghe, ngày nay được dự vào hàng nhân luân và được nghe lấy pháp môn Tịnh độ, thì hạnh phúc cho ta biết bao!

Nếu biết cổ động tinh thần cho dõng mãnh, rèn đức trí nguyện cho kiên cố, rồi đem sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” in vào trong tâm trí thề làm sao cho được vãng sinh, được thấy Phật và chứng cho được quả vô sinh pháp nhẫn mới mãn nguyện.

Như vậy mới thiệt là người niệm Phật chắc được thành Phật.

17/ Hỏi: Niệm Phật mà được chuyên nhất vẫn là lợi ích rồi, ai lại không muốn! Nhưng ngặt vì định lực chưa thành niệm tâm không chủ, hoặc bị cảnh duyên xúc tới mà nhẫn

nại không rồi, hoặc bị tình tưởng nổi lên mà đè ép không lại, đến nỗi nghĩ sự này tính sự nọ, trong một giây một phút mà ý thức đã đi đến ngàn trùng muôn một chút ân hay là một chút oán gì, thì đến ngày kia tháng nọ, bỏ cũng không quên, dứt cũng không đứt. Như vậy thì làm cách nào trừ cái bệnh ấy cho được?

Đáp: Ôi! Đó là cái thông bệnh của người tu hành từ xưa đến nay không ai tránh khỏi.

Nhưng trong lúc niệm Phật ta để cho nó làm gián đoạn như vậy, thì cái công phu tịnh nghiệp chắc không thể gì thành tựu được.

Vậy nên có ba điều rất đau đớn và rất quan thiết buộc mình phải nghĩ như dưới đây:

1/ Phải nghĩ sự đền ơn;

2/ Phải nghĩ sự quyết chí;

3/ Phải nghĩ sự linh nghiệm.

Nói về sự đền ơn, - nghĩa là ta đã chuyên tu theo môn Tịnh độ, phải nghĩ đền ơn Phật và ơn nước; nhưng sự đó chưa có thể bàn đến.

Nay chỉ nói về ơn cha mẹ nuôi nấng, ơn thầy dậy bảo và ơn thí chủ mà thôi.

Vì có nuôi nấng, nên chúng ta mới nên vóc nên hình, vì có dạy bảo, nên chúng ta mới biết phải biết quấy; vậy thì hai cái ơn ấy có phải là trọng hay không?

Thế mà cha mẹ hay là sư trưởng ta rủi trong khi bình nhật có vương lấy tội ác gì, sau lúc mạng chung, phải bị quả báo thống khổ ở nơi tam đồ, thì chắc cũng ngày đêm trông nhờ vào cái đạo lực tu hành của ta để cứu độ cho thoát khỏi, chớ lẽ nào không?

Nếu ngày nay ta niệm Phật để cho gián đoạn như vậy, chắc là Tịnh nghiệp không thành.

Nếu Tịnh nghiệp đã không thành, thì ta cứu lấy phần ta chưa rồi, có đâu cứu đến cha mẹ và sư trưởng cho được!

Nếu ta đã không cứu được nhau, thì tức là người bất hiếu, vong ân và bội nghĩa rồi.

Kinh có dạy rằng: “Tội bất hiếu phải đọa vào địa ngục”. Vậy tâm niệm Phật gián đoạn đó, có phải là nghiệp địa ngục hay không?

Vả lại phần xuất gia của ta đủ điều sung sướng, không nuôi tằm mà có áo mặc, không cày ruộng mà có cơm ăn, cho đến nỗi nhà cửa không làm mà có ở, giường phản không sắm mà có nằm; trăm ban vạn sự thọ dụng không thiếu món gì, vậy thì cái ơn thí chủ đối với chúng ta có phải là lớn hay không?

Tổ sư xưa nói rằng: “Những của mà người thí chủ cúng cho ông thầy thọ đó, tức là tiền giảm ăn giảm mặc của vợ con người chắt mót đem tới. Nếu làm ông thầy đạo nhân chưa rõ được, thì dẫu cho họ thọ dụng một hột nước hay là một sợi tơ của người, rồi thân sau cũng làm loài trâu bò mà trả nợ, chớ không dễ gì tránh được”.

Thế mà ngày nay ta niệm Phật để cho gián đoạn như vậy, chắc là Tịnh nghiệp không thành.

Nếu Tịnh nghiệp không thành tất phải làm loài mang bừa vác ách để đền công trả nợ cho người.

Vậy tâm niệm Phật gián đoạn ấy có phải cái nghiệp súc sinh không?

Nói về sự quyết chí – Nghĩa là tu theo môn Tịnh độ, thì phải quyết định.

Ta nên nghĩ như vầy: "Ta thản nhiên rồi mà thiền lý chưa tỏ; ta coi kinh rồi mà kinh giáo chưa minh; lôi thôi cho đến ngày nay, còn lo nói thiền, luận giáo, viết sách, làm thơ, tình rẽ hai đàng, niệm chia bốn ngõ. Như vậy sao phải?

Tổ sư có nói rằng: "Nếu con hệ niệm một chút đỉnh, tức là tạo nghiệp thống khổ trong ba đường; nếu sinh tình một mảy may, tức là tạo nghiệp dàm khớp cho muôn kiếp".

Thế mà chí khôn quyết định, tình niệm nhiều đàng, làm cho xen hở cái công phu tịnh nghiệp, vậy tâm gián đoạn ấy có phải là nghiệp "ba đường" và nghiệp "dàm khớp" đó hay không?

Còn như sự giữ gìn giới luật mà chí không quyết định, thì nhân cái thân và lỗ miệng của mình mà tham cầu lắm sự trái lẽ.

Trong kinh giáo nói: "Thà lấy nước đồng sôi đổ vào miệng, chớ không nên đem cái miệng phá giới mà thọ dụng đồ ăn uống của kẻ đàn na, và thà lấy dây sắt nóng buộc mình chớ chẳng nên đem cái thân phá giới mà thọ dụng đồ y phục của người thí chủ".

Huống chi giới chẳng tin nghiêm thì tâm càng vọng động, rồi do đó làm hở dứt sự chuyên tu.

Vậy tâm gián đoạn ấy có phải là cái nghiệp đồng sôi sắt nóng đó hay không?

Nhưng chẳng phải vậy mà thôi; lại còn sự thương sự ghét, muốn đoạn trừ mà chí không quyết định thì hoặc nhân cái danh lợi giả dối khám phá không ra, rồi phân biệt cái danh lợi này thuộc về ta mà sinh lòng ham muốn, cái danh lợi kia thuộc về người mà sinh lòng ghen ghét.

Cố nhân có nói rằng: "Ham mồi danh lợi thì đọa vào loài ngạ quỷ; giữ thói ghen ghét sân hận thì đọa vào chốn địa ngục hỏa khanh".

Thế mà ngày nay, nhân sự thương ghét làm cho gián đoạn công phu Tịnh nghiệp.

Vậy tâm niệm Phật gián đoạn ấy, có phải là cái nghiệp "ngạ quỷ và hỏa khanh" đó hay không?

Nói về sự linh nghiệm – nghĩa là ta chuyên tu theo môn Tịnh độ, thì ta phải cầu sự linh nghiệm rồi mới biết.

Coi như thuở xưa Ngài Lô Sơn Viễn tiền sư trong mươi năm mà ba lần thấy Phật rờ đầu. Ngài Hoài Cảm pháp sư kể khi niệm Phật thì được thấy Phật, còn Ngài Thiêu Khương pháp sư hễ sướng một tiếng Phật, thì chúng đều thấy một vị Phật ở trong

miệng đi ra, Ngài sướng luôn mười tiếng, thì cũng đều thấy đủ mười vị Phật ở trong miệng đi ra liên tiếp như vậy.

Xét đó thì đủ biết những sự linh nghiệm đã hiển hiện ở trên mặt kinh sách, không biết muôn ngàn nào mà kể xiết. Vậy chúng ta niệm Phật chuyên chú một lòng, không điều tạp niệm, thì chắc được thấy Phật, chớ không khó gì.

Nếu tâm ta còn gián đoạn, thì quyết không thấy Phật. Nếu đã không thấy Phật, thì ta không có duyên với Phật, nếu ta không có duyên với Phật, không sinh được về Tịnh độ và nếu không sinh về Tịnh độ thì phải chịu sinh tử luân hồi.

Chúng ta phải biết rằng: ba điều rất đau đớn và rất quan thiết buộc phải tự nghĩ như đã kể trên đó, là khiến cho tâm không rời Phật, Phật chẳng rời tâm, đạo cảm ứng giao thông, tức là hiện tiền thấy Phật.

Nếu đã thấy được Phật ở cõi Cực Lạc, tức là thấy được chư Phật ở trong mười phương. Nếu đã thấy được chư Phật trong mười phương tức là thấy được Phật "Thiên chân tự tánh" của ta rồi, tức là được diệu dụng thần thông vô lượng vô biên.

Đến khi ấy con ma nghiệp thức trốn chẳng thấy hình; ông Phật bổn lai nhìn đã rõ mặt, thì còn cái gì là cảnh, là duyên, là tình, là tưởng, là ân, là oán, là nhớ, là quên, mà làm cho ta gián đoạn được nữa.

18/Hỏi: Những môn nhập đạo cũng nhiều, duy có Thiền tông và Tịnh độ tông, tuy khác đường đồng về một ngõ.

Nhưng tham thiền lấy sự tỏ ngộ làm kỳ hạn; hễ công phu thấu đáo thì trong lúc hiện sinh đã tỏ ngộ được. Còn tu Tịnh độ, lấy sự vãng sinh làm nhất định, mà dầu có niệm Phật cho tinh chuyên đi nữa, cũng đợi đến lúc lâm chung mới được vãng sinh.

Vậy hai pháp ấy cũng có trước có sau, có mau, có chậm như thế là sao?

Vả lại tu môn Tịnh độ quán sát những câu: "Người niệm Phật là ai" và câu "thế nào gọi là bản tính Di Đà v.v...", đó là nói về công phu tham cứu chớ không phải kẻ bậc hạ căn làm được.

Vậy cứ giữ niệm Phật hiệu, mà muốn cho lúc sinh tiền được ngộ đạo và khi tử hậu được vãng sinh, nên làm như thế nào?

Đáp: Tham thiền với niệm Phật, đều là phương tiện của Phật Tổ dắt người nhập đạo, chớ nguyện lai không phải là hai pháp, chỉ tùy theo căn khí của người lấy môn nào cũng được.

Chí như sự trước với sự sau và sự mau với sự chậm, đó là tùy theo căn lượng của người, chớ hai pháp ấy có hơn thua và khác nhau như vậy đâu!

Coi như tham thiền cũng có kẻ do trong một cái bè, một tiếng hét, một lời nói, hay là một câu chuyện mà ngộ đạo được liền; lại cũng có người suốt một đời không ngộ, đến nỗi chờ tới hai ba đời mới ngộ được.

Cổ nhân có nói rằng: “Giả như tham cứu chưa suốt, hoặc hỏi chưa thành, dẫu nghe lọt vào tai, thành hạt giống đạo hoài hoài; đời sau có sinh ra, chắc cũng một nghe ngàn tỏ, được phép “Tổng trì”.

Xem như vậy, biết những người tham thiền cũng không nhất định là trong lúc hiện thế đều tỏ ngộ được hết.

Còn như niệm Phật vãng sinh, tuy là nói về việc thân sau, song những người trong lúc hiện sinh được tỏ ngộ còn ghi chép trong chuyện sử cũng nhiều.

Nên bài “Đại Thế Chí niệm Phật” trong kinh Lăng Nghiêm, có nói rằng: “Nhớ Phật niệm Phật, thì lúc hiện tiền hay là qua đời sau, cũng chắc nhất định thấy Phật”.

Xem như vậy biết những người niệm Phật có phải là trong lúc tại thế không được tỏ ngộ và không được thấy Phật đâu!

Chúng ta nên biết rằng hiện nay đây không luận có tỏ ngộ, hay không tỏ ngộ, chủ yếu ngày đêm sáu thời, nhất tâm niệm Phật, đừng có một khắc nào quên, nếu có quên, phải nhớ lại liền, rồi phát lòng đại nguyện, ra sức dõng mãnh, quyết định vãng sinh.

Nếu đã được vãng sinh, thì tất nhiên tỏ ngộ.

Nếu Ngài Vĩnh Minh Thiền sư nói rằng: “Thấy được Phật Di Đà, lo gì không tỏ ngộ!”

19/Hỏi: Mỗi bữa niệm danh hiệu Phật lại kiêm đọc các kinh đại thừa nữa, pháp ấy vẫn là trăm phần chính đáng rồi. Nhưng ngặt vì những người ở trong cuộc trần lao, khi tuổi lớn mới biết sự học đạo, gia dĩ việc nhà rộn rực, lúc rảnh không được bao nhiêu, nếu trong một ngày mà có coi đến kinh điển, thì cũng như tính cát ở dưới biển đã vô ích mà lòng niệm Phật không được tinh chuyên. Còn cứ giữ một niệm Phật luôn luôn, thì cũng như gục mặt vào tường bị ngăn ngại, mà chỗ thấy biết không được thông suốt. Vậy ngày nay phải niệm tụng kiêm tu, hay là chỉ chuyên trì danh hiệu cũng được?

Đáp: Những người tu tịnh nghiệp, tụng đọc các kinh đại thừa, là để tỏ rõ cái tông chỉ của Phật, mở mang lý tánh và giữ lòng chánh tín cho bền, chớ chấp trệ theo câu văn nghĩa chữ làm chi, đến nỗi nhọc công tính cát vô ích như vậy.

Nay chúng ta bất tất lựa chọn cứ tùy theo chỗ tiện lợi của mình mà làm. Nếu ai muốn tụng kinh, thì nhân lúc niệm Phật rồi, tụng đọc nhiều ít đặng hồi hướng về Tây phương cũng tốt.

Còn như ai muốn chuyên trì danh hiệu mà thôi, thì cứ lo nhất tâm niệm Phật cho thường cũng được, chủ yếu làm sao chánh niệm của ta được lên đến địa vị thuần nhất đừng cho những điều tà tư tạo tưởng xen lộn vào, có ngày trông thấy được hiệu quả.

20/Hỏi: “Tiên đức xưa dạy người niệm Phật phải làm cho niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, đến khi cái “niệm” cùng cái “không niệm” đánh thành một khối mới thiệt là chỗ công phu cứu cánh”

Thế mà những kẻ sơ học ngày nay, đương lúc vô sự thì hoặc là chuyên niệm không, còn gặp khi rộn việc thì đã quên đi hồi nào không biết. Vậy tức là lúc niệm mà có cái

“chẳng niệm” kia đã chia làm hai rồi, làm sao đánh thành một khối cho được.

Nếu nay muốn đương hồi vô sự mà cái tâm “tâm sai biệt” đừng mê, gặp lúc rộn ràng mà cái “niệm giữ gìn” còn vững, như vậy làm cách nào cho được?

Đáp: Trong pháp niệm Phật có hàm đủ: 1/ Sự niệm, 2/ Lý niệm đều kể như dưới này

1.“Sự niệm”, là nói cứ nhất tâm niệm suốt, làm cho chữ nào chữ nấy được phân minh, câu trước câu sau được tiếp tục. Hễ phân minh, thì tâm không hôn mê; còn tiếp tục thì tâm không tán loạn. Nếu ta đã không hôn mê và tâm không tán loạn thì tự nhiên lâu lâu rồi thành tựu được pháp “Niệm Phật tam muội”.

2.“Lý niệm”, là một mình rõ thấu cái tâm “năng niệm” và ông Phật “Sở niệm” trong lúc hiện tiền đó, là do nhân duyên diệp thành, chớ nguyện chẳng phải có, đương thể vốn thiệt tánh không. Ấy gọi là “niệm mà không niệm” song tuy tánh là không có cái tâm “năng niệm” và ông Phật “sở niệm” hiển hiện ở trước rõ ràng, ấy gọi là “không niệm mà niệm” “niệm mà không niệm”.

Nhưng nên biết rằng niệm mà không niệm, tức là “không quán”; không niệm mà niệm, tức là “giả quán”; không với giả chẳng phải là hai, pháp thân hiển hiện, tức là “Trung đạo quán”.

Nếu người niệm Phật mà hiệp được với quán hành ấy, thì biết Ta bà với Tịnh độ cũng ở một chỗ, Di Đà với ta không phải là hai người. Hễ niệm Phật như thế, thì chắc sinh về thượng phẩm, nên tiên đức nói rằng: “Sinh thì quyết định sinh, mà đi thì thiệt không đi đâu cả”, là vậy đó.

Bằng như chỗ lý tính chưa rõ, mà cứ chấp trước về một bên có, thì đâu biết tới cái đạo lý “niệm mà không niệm, không niệm mà niệm” kia được. Nay chúng ta chẳng luận là sự hay lý chỉ cứ đem một câu “Phật hiệu” nhất tâm niệm hoài, thì tốt hơn.

Nên ông Bạch Hương Sơn có nói rằng: “Đi cũng A Di Đà, ngồi cũng A Di Đà dẫu rộn như tên bắn, chẳng rời A Di Đà”.

Nếu niệm Phật được như vậy, thì lâu ngày thuần thục, chánh định hiện thành, rồi tự nhiên trong thì vô sự, tâm linh cũng chẳng đến nỗi hôn mê, mà dẫu lúc rộn ràng, chánh niệm cũng không đến nỗi quên mất.

21/Hỏi: Trì giới có cái cơ sở tu hành, mà bất sát là cái căn bản của đại giới. Bởi vì nhân giới mà sinh định, nhân định mà phát huệ, cho nên giới là một món quan trọng thứ nhất. Thế mà những người tại gia, nhiễm đã sâu, nghiệp đã nặng, bệnh tập quán vốn cũng khó trừ, gia dĩ tuổi tác lại lớn, thân thì yếu, bệnh thì nhiều, phần nhục thiệt là khó dứt. Vậy lòng từ bi của Phật có tiếp dẫn được đới nghiệp vãng sinh hay không? Hay là bị nhân quả đền bù mà khó nỗi thoát ra chốn tam đồ ác đạo?

Đáp: Không trì trai giới là một cái thông bệnh của người giàu sang.

Xưa Tô Đông Pha là bậc thông minh quán đời, lại thêm thông suốt Phật lý, mà còn không khỏi ăn thịt, nên Ngài Hoàng Sơn Cốc có làm bài kệ khuyên răn ông rằng: “Thịt ta thịt chúng sinh, hình khác thể khác đâu, nguyên đồng một giống tánh, vì bởi cách

hình xu, đau đớn đành kia chịu, ngon béo mặt ta nhu, đừng để Diêm vương xử, mình xét coi thế nào”

Xem như bài kệ nói trên đó, thì biết chỗ khuyên người về sự sát sinh thiệt là khẩn thiết.

Vậy nên những người tu Tịnh nghiệp nên tự nghĩ rằng: “Nếu ta ăn một miếng thịt, thì chúng sinh chịu không biết bao nhiêu sự thống khổ”. Vì nghĩ như vậy, nên chẳng nỡ ăn.

Chí như sự đới nghiệp vãng sinh thì chắc được, nhưng phẩm đệ không cao. Vậy làm người đại trượng phu cũng không nên tự kỳ cho lên được cái địa vị “thượng phẩm thượng sinh” chớ chẳng lẽ lấy sự đới nghiệp ấy mà tự hạn con đường tiến bộ.

22/Hỏi: Sự niệm Phật trong ban ngày tuy chưa được bậc nhất tâm, mà cũng không đến nỗi thập phần quên mất; chỉ ngặt vì trong lúc chiêm bao còn thấy những tập khí thời xưa hiện ra đủ thứ, thì biết cái công phu tạm thời, không thể gì thắng nổi cái nghiệp tập khí nhiều kiếp. Nhưng khi ngủ chiêm bao mà mình còn không tác chủ được, thì sự sinh tử đâu khỏi lẽ tùy nghiệp mà nổi chìm trong biển luân hồi.

Ngày nay nếu muốn bắt chước như cổ nhân ngồi hoài không nằm cho khỏi mê, thì lại sức lực yếu gầy làm theo không được. Còn nếu muốn bắt chước như người thường, ngày ăn đêm ngủ cho

thong thả, lại e mê với tỉnh chia ra, khó bề hiệp nhất. Vậy thì làm cách nào cho khi thức hay khi ngủ mà ông chủ nhân ta cũng thường soi tỉnh cho được?

Đáp: Ôi! Đương lúc thanh thiên bạch nhật, những người tu Tịnh nghiệp đối với cái hoàn cảnh phải thương ghét lăng xăng rộn ràng kia, còn phải bị tâm theo cảnh chuyển mà quên mất chánh niệm luôn luôn, huống chi lúc đêm ngủ chiêm bao, làm sao nhớ cho được.

Nhưng nên biết rằng cũng bởi cái tính quyến luyến của chúng ta ở cõi Ta bà rất nặng, mà cái niệm tưởng nhớ về Tịnh độ quá yếu; nếu lấy đòn cân “tâm” nhắc thử hai bên mà coi, thì chắc là bên vơi bên chìm, quả nhiên như vậy.

Nếu chúng ta đã có lòng nghiên cứu về vấn đề sinh tử, thì nên đem sự thật mà quán sát cho kỹ, coi thử những việc trên thế gian này, có cái gì thiệt mà chẳng phải giả và có cái gì vui mà chẳng phải khổ hay không?

Nếu đã biết là giả, thì cái giả ấy cũng như trong giấc chiêm bao, có lẽ đâu ta trước nhiễm theo cảnh ngộ xem thấy đó mà chắc làm khoái lạc được. Còn nếu đã biết là khổ thì cái khổ ấy cũng như ở trong nhà lửa, có lẽ nào ta cứ an trụ nơi đó mà mưu phần sinh hoạt được.

Vậy thì nên ném xa thế sự, dẹp sạch trần duyên, mà quán cảnh Tây Phương nhất tâm niệm Phật.

Nếu khi ban ngày, ta mở con mắt ra mà không mất chánh niệm, thì tự nhiên trong lúc ban đêm ngủ chiêm bao cũng được như vậy, thì chắc là trong lúc chết, cũng không thể làm cho mất chánh niệm được.

Nên Ngài Thiên Thai Trí Giả nói rằng: “Cái tâm tại định trong lúc lâm chung, tức là lúc vãng sinh Tịnh độ”.

Nếu biết như vậy, thì cái cảnh giới “thức ngủ như nhau” đến đó là hy vọng được.

23/Hỏi: Cổ nhân nói là chưa rõ được việc “sinh tử đại sự”, thì tất phải thân cận với thầy mai thăm chiều hỏi, cầu cho tỏ ngộ mới thôi, thế mà ngày nay mấy người tại gia tu Tịnh độ, đã không gần thầy gần bạn, lại những cảnh tương đối trong hàng ngày, toàn là vợ con quyến thuộc, tai nghe mắt thấy, việc gì cũng làm cho ngăn ngại đường đạo, ràng buộc dây duyên, không có chút gì là thanh tịnh cả.

Vậy phải xuất gia ly tục cho thoát khỏi lưới trần, hay là ở nhà cũng có cách phương tiện mà trừ dứt được?

Đáp: Những người tu Thiền hay tu Tịnh độ, chẳng luận là tại gia hay xuất gia, chỉ coi chỗ nhân địa phát tâm có chân thật hay không mà thôi. Nếu quả như phát tâm chân thật, thì tuy ở nahf mà hằng ngày đoàn tụ với vợ con quyến thuộc đi nữa, cũng không thể gì làm ngăn ngại con mắt “tri nhãn tinh minh” kia được. Cho nên từ xưa đến nay, những kẻ tại gia đắc đạo mà tai ta nghe mắt ta thấy nhiều biết bao nhiêu, chớ đâu chỉ xuất gia mới là tu được.

Trong phẩm “Tịnh hạnh” kinh Hoa Nghiêm dạy người tu hành dụng tâm cho khéo; nếu có xúc ngộ duyên cảnh gì, thì phát một trăm bốn mươi lời nguyện, mà lời nguyện đầu hết có nói rằng: “Bậc Bồ tát tại gia, phải nguyện cho chúng sinh, biết gia tánh vẫn không, khỏi bị sự bức bách”.

Nếu quả biết được gia tánh vẫn không, nhất thiết việc gì cũng tùy duyên, chẳng sinh lòng tham luyến chấp trước, dẫu cho lúc nào có bồng con giỡn cháu, cũng đều có thể mở mang được cõi tánh thiên và giúp ích được phần chánh quán.

Vậy thì tại gia tại có gì cho sự học đạo đâu!

Còn như chỗ phát tâm không chân thật, thì chẳng những tại gia không đắc đạo, mà dẫu có xuất gia đi nữa, thì cũng là một người giữ Phật coi chùa chớ chẳng ích gì cho bổn phận cả.

24/Hỏi: Chuyên niệm danh hiệu Phật, hiệu lực so với trì chú thế nào?

Đáp: Phật hiệu cùng trì chú công đức bằng nhau, duy cần phải chí thành mới được cảm cách.Nếu trong tâm trước có một niệm xem khinh Phật hiệu tất không được lợi ích chân thật. Lỗi ấy do tâm không chí thiết, nghi ngờ.

25/Hỏi: Phật A Di Đà tự tánh, cõi Tịnh độ duy tâm, cùng với cõi Tịnh độ Và Phật ở Tây phương là hai hay là một?

Đáp: Có Tịnh độ duy tâm mới sinh về Tây phương Tịnh độ. Nếu tâm mình không tịnh thì đâu có thể vãng sinh. Dù cho kẻ nghịch ác dùng mười niệm cũng được vãng sinh cũng phải do tịnh tâm niệm Phật mới cảm sinh về cõi Tây phương. Người đời phần nhiều cho rằng đã duy tâm thì không Tịnh độ. Đó là sự hiểu biết của hàng ngoại đạo. Thứ tà kiến tợ phải quấy ấy chiếm hơn phân nửa, khiến cho người niệm Phật không

được thật ích.

Do đức Di Đà tự tánh, nên hành giả cần phải niệm Phật A Di Đà Tây phương, cầu được vãng sinh, để lần lượt tiến tu thân chứng Di Đà tự tánh. Nếu chỉ chấp riêng Phật Di Đà tự tánh mà không niệm đức Di Đà Tây phương, dù cho được chân thật tỏ ngộ chưa thể thoát ngay đường sinh tử, huống chi kẻ thốt ra lời ấy phần nhiều là hàng tự thị nói suông ư? Đến vấn đề đồng dị (giống nhau và khác nhau) một mà hai là trước khi chưa thành Phật, hai mà một là sau khi đã thành Phật.

26/Hỏi: Câu "Sinh thì quyết định sinh, về thì thật không về" nghĩa là gì?

Đáp: "Sinh thì quyết định sinh" là nói ước về sự. "Về thì thật không về" thì nói ước về lý. Nhưng kẻ chưa thông sự, chỉ y theo sự tướng mà niệm Phật cho già giặn là được. Chẳng thế thì thành ra chấp lỗi chấp lý bỏ sự của hàng tà ma ngoại đạo.

27/Hỏi: Lúc ngồi thì tu quán, còn các thời khác thì trì danh, sự kiêm tu như thế so với sự chuyên tu một pháp bên nào hơn kém?

Đáp: Những tâm trầm tịch thuần túy, muốn kiêm hay chuyên tu về quán tưởng hoặc trì danh, cũng đều tốt. Nhưng chẳng thế thì chuyên trì danh có phần ổn hơn, vì người tâm trí phụ bạc rộn ràng mà tu quán tất sinh nhiều ma chướng.

28/Hỏi: Khi quán tưởng thấy cõi Cực Lạc, đó là cảnh thật hay hiện tượng giả?

Đáp: Quán tưởng mà thấy cõi Cực Lạc là duy tâm hiện ra, nếu cho rằng giả đó là kẻ ngoài cửa.

29/Hỏi: Quán thấy cõi Cực Lạc lại có thể nghe pháp, đó có phải thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông chăng?

Đáp: Đó là do sức quán xui khiến, nếu thiên nhãn, thiên nhĩ dù không quán cũng có thể thấy nghe.

30/Hỏi: Có kẻ nói: "Thấy Phật là Phật tự tâm, không phải là Phật Tây phương". Thế thì khi vãng sinh, Phật tự tâm hiện hay là đức Di Đà ở Tây phương đến tiếp dẫn?

Đáp: Khi lâm chung thấy Phật là do tự tâm chiêu cảm, không nên đem về tự tâm mà cho rằng không có Phật Di Đà đến tiếp dẫn.

31/Hỏi: Tạp niệm từ đâu sinh?

Đáp: Tâm ta chỉ có một niệm, niệm Phật tức là nó, tạp niệm cũng là nó. Chỉ nhân ta niệm Phật chưa tinh chuyên, nên niệm trần còn vẩn vơ đó thôi.

32/Hỏi: Làm sao trừ được tạp niệm kia?

Đáp: Không cần phải trừ, chỉ đem tâm niệm hoàn toàn để lên danh hiệu Phật, tạp niệm lần lần tan biến.

33/Hỏi: Nhưng rủi tinh lực yếu kém suy mỏi, không thể khiến cho nó tiêu mất, phải làm sao?

Đáp: Người đạo lực chưa thuần thục nên tán loạn nhiều, phải thâu nhiếp sáu căn lần lần sẽ được thanh tịnh. Nếu chưa làm được như thế, thì mở mắt nhìn chăm chú tượng Phật mà niệm hoặc nhắm mắt chuyên tưởng chân dung mà niệm, tạp niệm sẽ tiêu.

34/Hỏi: Cách ấy cũng hay, nhưng sợ e lần lần mỏi mệt tạp niệm lại nổi lên thì sao?

Đáp: Trong tâm mờ tối, nên bị ngoại cảnh kéo lôi, niệm Phật không đắc lực, thậm chí vọng niệm dày đặc không tan. Nhưng đừng vội vàng nóng nảy, phải lắng định tâm tư, niệm chậm rãi hiệu Phật ra từ nơi tâm, phát thành tiếng nơi miệng, rồi lại vào nơi tai, tự tâm nghĩ miệng niệm tai nghe tiếng niệm. Cứ tuần tự như thế vọng niệm sẽ lần lần tiêu mất.

35/Hỏi: Phương pháp trên quá hay chỉ e người căn tánh quá tối, không làm được lại phải làm sao?

Đáp: Nên đem sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật" mà niệm. Khi niệm ghi nhớ rành rẽ tiếng thứ nhất là Nam, tiếng thứ hai là Mô, tiếng thứ ba là A, tiếng thứ tư là Di, như thế đủ sáu chữ, liên hòa không dứt, thì vọng niệm không còn chỗ xuất sinh. Đây là phương cách tuyệt diệu nên ghi nhớ rõ.

36/Hỏi: Dụng tâm thế nào mà không bị tán loạn?

Đáp: Nên vận dụng thân, miệng, ý mà niệm, không để ý đến tán hay định, chỉ làm sao cho câu niệm Phật không hở dứt, tự sẽ được nhất tâm, hoặc cũng có thể gọi chính nó là nhất tâm. Nhưng phải niệm mãi không thôi, giống như mẹ lạc con thơ, rồng mất trái châu bổn mạng, thì không còn lo gì tán loạn, không cầu nhất tâm mà tự được nhất tâm. Chẳng nên cưỡng ép cho quy nhất, vì dù cưỡng ép cũng không thể được, thật ra chỉ do người tu siêng năng hay biếng trễ mà thôi! Nghĩ thương cho người đời nay, phần nhiều tu mà không hiệu nghiệm, ấy cũng bởi lòng tin còn cạn cợt, nhân hạnh không chân. Lắm kẻ chưa từng lập hạnh, đã muốn cho người biết trước, trong thì tự phụ, ngoài lại khoe khoang, tỏ ý chỗ sở đắc, để được mọi người cung kính, thậm chí có kẻ nói dối là mình đã trông thấy tịnh cảnh, hoặc thấy được cảnh giới nhỏ, hay những tướng tốt trong giấc chiêm bao. Thật ra chính họ cũng không phân biệt đó là chân hay vọng, nhưng cũng cứ khoe khoang bừa ra. Những kẻ tâm hạnh kém ấy, tất bị ma làm mê hoặc, nguyện hạnh lần lần lui sụt, trôi theo dòng sinh tử luân hồi. Như thế há chẳng nên dè dặt ư?

37/Hỏi: Niệm hồng danh đức A Di Đà Phật, có thể tiêu trừ nghiệp vô minh tăm tối và được vãng sinh, sao có người xưng niệm mà vô minh vẫn còn, lại không mãn nguyện là duyên cớ gì?

Đáp: Do không như thật tu hành, cùng với danh nghĩa không hợp nhau, ấy chẳng biết Như Lai là chân thật tướng. Lại có ba thứ không tương ưng:

1. Là lòng tin không thuần, khi còn khi mất.

2. Là lòng tin không quy nhất, thường đổi thay không quyết định.

3. Là lòng tin không được tương tục hằng bị tạp niệm làm cho gián đoạn.

Cho nên khi niệm Phật phải nhiếp tâm đừng cho tán loạn, nếu niệm được tương tục tức là tín tâm, là nhất tâm, là thuần tâm. Niệm như vậy mà không được vãng sinh là vô lý.

38/Hỏi: Niệm Phật có mấy cách?

Đáp: Niệm Phật có hai cách, niệm ra tiếng và tưởng niệm.

Niệm ra tiếng cũng như trong tụng kinh nhưng chỉ dùng một câu danh hiệu Phật thôi. Tụng kinh là phải ở trước bàn thờ, còn niệm danh hiệu thì ở đâu cũng được.

Tưởng niệm là tự mình buộc lòng nhớ nghĩ đến danh hiệu Phật.

39/Hỏi: Niệm danh hiệu Phật cũng được lợi ích như tụng kinh chăng?

Đáp: Tâm của mỗi người vốn thanh tịnh. Nay phải bị khổ vì nhơ nhiễm tưởng, như là tham muốn, hy vọng, mong cầu, tranh đoạt, luyến tiếc, giữ gìn, lo lắng, buồn phiền, chán nản, thất vọng, giận hờn, oán trách, sợ hãi, e ngại, v..v..Chúng nhơ nhiễm tưởng này thay phiên nhau đến với ta. Vì thế nên cần phải thủ sẵn câu danh hiệu Phật, để niệm lên hầu chặt đứt các thứ tư tưởng nhơ nhiễm đó. Chúng nhơ nhiễm tưởng không còn, thì tâm mới được yên nghỉ, tâm được yên nghỉ, là người đắc được an lạc.

Công dụng của sự niệm Phật đặc sắc hơn tụng kinh.Vì sao? Bởi nhơ nhiễm tưởng lúc nào cũng phát sinh. Còn câu danh hiệu lúc nào cũng có thể niệm được. Vì được lợi ích như vậy nên ngoài thời công phu tụng kinh, phải thường niệm danh hiệu Phật luôn.

40/Hỏi: Muốn giữ một niệm tưởng hằng trụ nơi tâm, để giải thoát ác tưởng, thì dùng danh ngôn nào cũng được, hà tất phải niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà?

Đáp: Lời nói gợi cảm giác. Người nghe một lời nói thành thật, sinh được cảm giác thương mến. Trái lại nghe một lời nói xảo trá là sẽ sinh những cảm giác ghét bỏ, sân hận, mặc dù người nghe là người thiện.

Nghe lời nói nào?Tâm sinh cảm giác nào?Rồi cảm giác nào đem đến ảnh hưởng nào?

Tiếng niệm Phật cũng là một lời nói. Niệm tưởng nghĩa là làm cho tâm mình nói để cho tâm mình nghe. Người tu cần nghe âm thanh danh hiệu Phật để hưởng cảm giác an lạc. Bởi kinh nghiệm cho biết âm thanh này có một tiềm lực lành rất mạnh mẽ.

Một câu ca vọng cổ làm cho người nghe buồn khóc được. Bởi đấy là lời sáng tác của một nhạc sĩ đa sầu, đa cảm.

Người nghe tiếng niệm Phật sẽ được một tinh thần sáng suốt, thư thái, an lạc và ổn định. Vì sao?Bởi đây là lời sáng tác của đấng hoàn toàn sáng suốt, hoàn toàn thư thái, hoàn toàn an lạc và hoàn toàn ổn định.

Chúng ta chịu ơn của Đức Phật rất trọng ở các điểm này. Vì sao? Nếu không có Phật chỉ dạy, thì khó mà có được âm thanh tưởng, có đầy đủ năng lực diệu dụng.

Nhờ có âm thanh tưởng của Đức Phật A Di Đà mà người tu trở nên cao quý, được nhiều hiểu biết, hết lầm lạc, giải thoát khổ và thành Phật ở tương lai. Vì lợi ích như thế nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Nhà không phòng bị, cướp đến thình lình, đành chịu mất của. Cũng như lúc sống mà không tu tập niệm Phật, nên khi cái chết đến là đành thọ quả khổ. Dẫu có gặp người khuyên bảo, nhưng tâm niệm yếu ớt, đâu chống trả nổi với những luồng sóng ác nghiệp. Vì vậy, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Mỗi ngày thân thể đều bị dơ bẩn vì bui bặm, nên cần phải tắm rửa mới được khỏe khoắn. Cũng như vậy, tâm mỗi ngày bị những ác tưởng không nhiều thì ít, nên cần phải niệm tưởng danh hiệu Phật, để tẩy bớt uế nhiễm, hầu tâm được tự tại. Vì được lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Người làm điều lành hay điều dữ vì các sự nhớ quên. Vì sao? Nhớ sự việc ác của kẻ khác mới có thể làm ác được. Và nhớ sự việc lành của kẻ khác mới có thể làm lành được. Và quên sự việc lành của ke khác mới có thể làm ác được.

Cái niệm tưởng danh hiệu Phật có năng lực tác dụng làm cho tâm quên sự việc ác và nhớ sự việc lành của kẻ khác. Bởi thế cho nên, điều lành dễ làm mà điều ác khó làm. Vì được lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Các sự khổ lại đều do “thức tâm”. Âm thanh của danh hiệu Phật thành tự cái “thức tâm” thanh tịnh và an lạc.Vậy nên lúc nào muốn giải thoát khổ, là chỉ cần tưởng đến danh hiệu Phật. Luôn luôn được hạnh phúc bình an tĩnh lặng nơi tâm. Vì được lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Người tu hành tưởng niệm danh hiệu Phật, dùng cái tưởng ấy làm nơi ẩn trú tránh được các thứ biết cảm khổ đau làm tổn hại tâm mình. Nên gọi đó là “trụ xứ tưởng giải thoát khổ” cũng như nhà ở che chở được nắng mưa. Vì lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Người tu niệm tưởng danh hiệu Phật, dùng cái tưởng này để quán sát thấy biết những thứ tư tưởng của mình. Nên gọi là “Trụ xứ quán sát”, cũng như đèn pha rọi cho thấy những vật trong đêm tối. Vì lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Người tu niệm tưởng danh hiệu Phật, dùng cái tưởng này để làm hột giống để sinh các thức tưởng bi và giác ở nơi tâm mình. Nên gọi đó là “Phật công đức tưởng tạng” cũng như kho chứa đựng nhiều báu vật của vua. Vì lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Người tu niệm tưởng danh hiệu Phật dứt được những ác tưởng nổi lên bất thần, giải thoát được những thứ biết cảm tổn hại làm khổ, thấy biết phân biệt được các thứ tư tưởng thiện ác ở

nơi tâm mình, và sinh được các thứ tư tưởng Đại bi và Đại giác. Vì được lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Con bị khổ chỉ kiếm cha mẹ để nương tựa. Vì kinh nghiệm cho thấy rằng chỉ có cha mẹ mới hết lòng thương con. Cũng thế, người tu bị khổ chỉ niệm tưởng danh hiệu Phật ở nơi tâm mình làm chỗ nương tựa. Với kinh nghiệm cho thấy rằng chỉ có tư tưởng này mới che chở cho mình hữu hiệu thôi. Vì sao? Người bị các khổ nạn hay là sắp chết, thấy tất cả bên ngoài đều bất lực không cứu mình được. Chỉ còn nước niệm Phật mới có thật lực giải thoát được khổ. Vì lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Lúc bị khổ con đến với cha mẹ để được an ủi và cho các thứ đồ chơi để vui mừng. Cũng thế, đương thời bị khổ, người tu niệm tưởng danh hiệu Phật. Cái niệm tưởng này được duy trì vững bền nơi tâm, sẽ sinh ra các kiến thức chân chính an ủi dỗ dành, và cũng đồng thời thành tựu các đức tính lành để thỏa thích. Vì được lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Ở trong đời chẳng ai thương mình bằng mình thương mình cả. Vậy thì phải biết chính mình mới làm được những việc chắc chắn là đem lại hạnh phúc cho mình. Do lẽ đó nên không ỷ lại vào kẻ khác để làm được sự lợi ích cho mình. Vì sao? Mình muốn ngon miệng, thì phải chính mình ăn mới hưởng được vị ngon đó. Cũng thế, với pháp môn niệm Phật thì không ai tu thế cho mình được. Phải chính mình tu mới chắc chắn giải thoát được khổ cho mình. Vì lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Pháp môn niệm Phật là một thứ tâm tưởng. Tâm tưởng này có những năng lực nào ở nơi đức Phật A Di Đà, thì ở nơi người đắc niệm cũng vậy. Vì sao? Chân lý cho biết thể tánh của Phật và tất cả chúng sinh không phải hai. Không phải hai nghĩa là đồng. Bởi cớ đồng thể tánh với nhau nên pháp được niệm ở đâu là bình đẳng tâm thành thành tựu ở nơi đó, nghĩa là chí thành tựu các lực giải thoát khổ ở nơi tâm các niệm tưởng. Và lại đồng thể tánh thì không có riêng khác. Bởi chân lý không có riêng khác của sự đồng thể tánh đó mà biết rằng: mình ở trong tâm Phật và Phật cũng ở trong tâm mình, nên khi tâm mình niệm xoay lại niệm pháp nào của Phật thì mình hoàn toàn hưởng được năng lực tác dụng đã sẵn có của pháp đó. Vì được lợi ích như thế, nên Phật khuyên

chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Vì đồng thể tánh với Phật, nên tâm mình niệm tưởng Phật thì các công đức của Phật sẵn có sẽ khởi lên nơi tâm mình để giải thoát cho mình. Các thứ công đức Phật đó cũng gọi là Phật thức. Mà Phật thức cũng tức là Phật tưởng, cũng tức là thân Phật. Có được Phật thức ở nơi tâm

mình thì làm sao chẳng được sáng suốt, chẳng được vô úy (không sợ hãi), chẳng được biện tài vô ngại, chẳng được trang nghiêm.v..v.. Vì được lợi ích như thế, nên Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Lại như vầy nữa:

Các hạnh đều do nguyên nhân nơi tư tưởng, cũng tức là trí, còn trí là do nguyên nhân cảm giác, cũng tức là thức. Vậy người niệm tưởng Phật sẽ được Phật trí, vô sư trí, căn bản trí, bình đẳng tánh trí, diệu quan sát trí, thành sở tác trí.v..v.Tâm có được các trí trên thì các hạnh mới tương xứng với quả Phật ở vị lai. Vì được lợi ích như thế nên đức Phật khuyên chúng ta phải thường niệm luôn.

Có những công đức và trí huệ chúng ta tu cả đời mà vẫn chưa được. Nay chỉ niệm một danh hiệu Phật lại được trí và đức hiện khởi nơi tâm mình, thì biết rằng pháp môn niệm Phật “mầu nhiệm” “mầu nhiệm”.

41/Hỏi: Phật nói các pháp tu để đến quả Phật đều là phương tiện. Vậy Tây phương cực lạc thế giới là cảnh giả hay thật?

Đáp: Nếu nhận cảnh giới của loài người là thật, thì cảnh thế giới Tây phương Cực lạc là thật. Bằng nhận cảnh giới của loài người là giả, thì cảnh thế giới Tây phương Cực lạc cũng là giả luôn.Vì sao?

Cảnh thế giới được gọi là giả, là bởi nó không trường tồn vĩnh viễn, có thể bị tâm lực chuyển đổi lúc nào cũng được. Như lời Phật nói trong kinh Kim Cang: “các tướng pháp hữu vi đều như mộng huyễn, như bọt bóng, như sương, như điện chớp”.

Với các lời của kinh này, ý Phật muốn nói cho chúng ta đừng đánh theo các cảnh hoặc sắc tướng không bền vững mà bị khổ.

Người tu còn sợ cảnh ác của thế gian, là nên tạo pháp A Di Đà Phật để đời sau được vãng sinh về thế giới Tây phương Cực lạc. Bằng tâm cứng cỏi, rắn chắc thì ở thế giới nào cũng được. Vì sao? Tâm thanh tịnh thì ở thế giới nào cũng thanh tịnh. Như người có tâm buồn thì cảnh vui cũng hóa thành buồn, tâm đã được vui thì cảnh buồn cũng hóa vui.

Giữ được tánh Niết Bàn thì ở đâu cũng là thế giới của Phật.

Phật nói: “Pháp giới không thật mà cũng không hư”. Vì sao? Thế giới Tây phương Cực lạc được gọi là không thật là vì khi tâm người tu không còn dính mắc hai tướng khổ lạc nữa.

Còn nghĩa không hư của thế giới Tây phương Cực lạc là đối với những tâm còn bị ngoại cảnh chuyển được. Như vậy có được cảnh Cực lạc để người hưởng lạc.

Bởi thế trước khi chọn pháp tu hãy quan sát trình độ tâm lực của mình!

Nếu mình làm chủ được sự sống chết và không còn run động trước sự quyến rũ của các sắc đẹp, danh lợi, vinh hoa phú quý, run rẩy sợ hãi trước những cảnh khổ đau, đói rét, bệnh tật phân ly, uy hiếp bởi những ham muốn và cạm bẫy của sát thịt, thì chọn pháp nào cũng được, bằng chưa được, nên tạo pháp A Di Đà Phật, để đời sau sinh về thế giới Tây phương Tịnh Độ của Phật A Di Đà là thượng sách.

Hoằng Pháp ngày 01-01-2001

Sưu tập: Tỳ Kheo Thích Giác Nhàn

MƯỜI CÔNG ĐỨC ẤN TỐNG KINH, TƯỢNG PHẬT

1. Một là, những tội đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ 2. Hai là, thường được thiên thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương, hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù. 3. Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này. 4. Bốn là các vị Hộ Pháp, Thiện Thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa, ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại. 5. Năm là tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sang, mạnh khỏe, an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt. 6. Sáu là chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời. 7. Bảy là, lời nói, việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến, ngợi khen. 8. Tám là, ngu chuyển thành trí, bệnh lành, mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nếu nhàm chán thân nữ, mệnh chung liền được nam thân. 9. Chín là vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh về cõi thiên, tướng mạo, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy. 10. Mười là hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm phước điền cho mình. Nhờ được công đức ấy đạt được vô lượng phước thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe Pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

ẤN QUANG TỔ SƯ DẠY: Ấn tống Kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên khi gặp chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề ấn tống để trồng cội phước đức cho mình và thân bằng quyến thuộc.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.